

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
KHOA LUẬT**



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

**PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT
NAM HIỆN NAY VÀ GIẢI PHÁP THỰC THI**

GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN	: TS. NGUYỄN THỊ VY
HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	: NGUYỄN TƯỜNG KHÁNH MY
MÃ SINH VIÊN	: 1458300044
LỚP	: LKT 14 -01

HÀ NỘI - 5/2024

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
KHOA LUẬT**



NGUYỄN TƯỜNG KHÁNH MY

Lớp : LKT14-01 khóa: 14

**PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT
NAM HIỆN NAY VÀ GIẢI PHÁP THỰC THI**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

Giảng viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Thị Vy

Nơi thực hiện đề tài: Hà Nội

Thời gian thực hiện: từ 25/3 đến 25/5/2024

HÀ NỘI - 5/2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi là Nguyễn Tường Khánh My, tác giả của khóa luận có tiêu đề “*Pháp luật về quyền con người ở Việt Nam hiện nay và giải pháp thực thi*”, xin cam đoan rằng tất cả nội dung trong khóa luận này là công trình nghiên cứu của riêng tôi dưới sự hướng dẫn của TS. Nguyễn Thị Vy. Các thông tin và số liệu mà tôi sử dụng trong Khóa luận là trung thực. Các luận điểm được trích dẫn đầy đủ, là ý tưởng hoặc kết quả tổng hợp của chính bản thân tôi. Khóa luận bảo đảm tính trung thực và tuân thủ các quy định về trích dẫn, chú thích tài liệu tham khảo.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời cam đoan này.

XÁC NHẬN CỦA SINH VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)

LỜI CẢM ƠN

Thưa Thầy, Cô trong Hội đồng!

Đầu tiên, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban Giám hiệu, lãnh đạo các khoa phòng và quý thầy, cô của trường Đại học Đại Nam, những người đã tận tình giúp đỡ và tạo điều kiện cho em trong quá trình học tập.

Đặc biệt, em cũng muốn bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến TS. Nguyễn Thị Vy - người đã trực tiếp hướng dẫn em thực hiện Khóa luận này. Bằng sự tận tâm chỉ dạy, truyền đạt những kiến thức quý báu của cô, em đã học được rất nhiều không chỉ về chủ đề nghiên cứu mà còn về quy trình nghiên cứu và phân tích dữ liệu. Đây chắc chắn sẽ là những kiến thức quý báu, là hành trang để em có thể vững bước lập nghiệp sau này.

Trong quá trình nghiên cứu và viết Khóa luận, do kiến thức của bản thân em còn hạn chế, thiếu kinh nghiệm thực tiễn, thời gian nghiên cứu không dài nên Khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý từ quý thầy, cô.

Em xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu.....	2
3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu.....	2
3.1. Mục tiêu nghiên cứu.....	3
3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
4.1. Đối tượng nghiên cứu	3
4.2. Phạm vi nghiên cứu.....	3
5. Phương pháp nghiên cứu.....	3
6. Đóng góp của Khóa luận	4
7. Bố cục của đề tài.....	4
CHƯƠNG 1 MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI	5
1.1. Khái quát về pháp luật bảo vệ quyền con người.....	5
1.1.1. Khái niệm quyền con người.....	5
1.1.3. Pháp luật về bảo vệ quyền con người	7
1.2. Pháp luật một số nước trên thế giới về bảo vệ quyền con người và hàm ý cho Việt Nam	16
1.2.1. Pháp luật về bảo vệ quyền con người ở Nhật Bản và một số gợi mở cho Việt Nam.....	16
1.2.2. Bảo vệ quyền riêng tư của cá nhân theo pháp luật Hoa kỳ và một số gợi mở cho Việt Nam.....	19
1.2.3. Một số gợi mở cho việc hoàn thiện pháp luật về quyền con người ở Việt Nam	22
TIỂU KẾT CHƯƠNG 1	23
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM	24
2.1. Thực trạng pháp luật về quyền con người ở Việt Nam	24
2.2. Thực trạng thực thi pháp luật về quyền dân sự và chính trị trong pháp luật Việt Nam	25
2.2.1. Pháp luật về quyền con người trong lĩnh vực chính trị.....	26
2.2.2. Pháp luật về quyền con người trong lĩnh vực dân sự	27
2.3. Thực trạng thực thi pháp luật về quyền kinh tế, xã hội và văn hóa trong pháp luật Việt Nam	29

2.3.1. <i>Pháp luật về quyền con người trong lĩnh vực kinh tế</i>	30
2.3.2. <i>Pháp luật về quyền con người trong lĩnh vực xã hội</i>	32
2.3.3. <i>Pháp luật về quyền con người trong lĩnh vực văn hóa</i>	34
2.4. Thực trạng thực thi quyền của một số nhóm dễ bị tổn thương trong pháp luật Việt Nam	35
2.5. Những hạn chế, bất cập khiến pháp luật Việt Nam hiện nay chưa phát huy được hết vai trò trong việc bảo vệ quyền con người	36
2.5.1. <i>Hệ thống pháp luật về quyền con người còn hạn chế, yếu kém</i>	36
2.5.2. <i>Một số bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa có nhận thức đầy đủ về vai trò của pháp luật trong việc bảo vệ quyền con người</i>	38
2.5.3. <i>Công tác tổ chức thi hành pháp luật về quyền con người còn nhiều hạn chế</i>	39
2.5.4. <i>Công tác tuyên truyền, giáo dục về vai trò của pháp luật trong việc bảo vệ quyền con người chưa thực sự hiệu quả</i>	39
2.5.5. <i>Những vấn đề bất cập mới, đa dạng về nhận thức vai trò của pháp luật trong việc bảo vệ quyền con người trong nền kinh tế thị trường hiện nay</i>	40
CHƯƠNG 3 PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	42
3. 1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về quyền con người	42
3. 2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về quyền con người	43
3.2.1. <i>Hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ quyền con người ở nước ta</i>	43
3.2.2. <i>Hoàn thiện cách thức, tổ chức thi hành pháp luật về quyền con người ở Việt Nam</i>	45
3.2.3. <i>Không ngừng xây dựng, củng cố thiết chế bảo đảm thực hiện quyền con người và nâng cao công tác nghiên cứu lý luận, hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ quyền con người ở nước ta</i>	46
3.2.4. <i>Nâng cao vai trò của các cơ quan nhà nước trong bảo vệ quyền con người</i>	46
3.2.5. <i>Tăng cường, đổi mới cách thức tuyên truyền, giáo dục về vai trò của pháp luật Việt Nam trong việc bảo vệ quyền con người</i>	47
3.2.6. <i>Tăng cường quan hệ đối ngoại, thực hiện chính sách, pháp luật hợp tác quốc tế về quyền con người</i>	48
KẾT LUẬN	51
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	52

DANH MỤC VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nội dung
QCN	Quyền con người
CHXHCN	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
XHCN	Xã hội chủ nghĩa
BLHS	Bộ Luật Hình sự
BLTTHS	Bộ Luật Tổ tụng hình sự
BLTTDS	Bộ Luật Tổ tụng dân sự
BLTTHC	Bộ Luật Tổ tụng hành chính

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quyền con người là tiếng nói chung, mục tiêu chung của xã hội loài người, có ý nghĩa quan trọng trong nghiên cứu lý luận và thực tiễn của từng quốc gia, là mối quan tâm chung của cả cộng đồng quốc tế. Tư tưởng, lý luận về quyền con người là giá trị nhân văn cao quý, tài sản vô giá của cộng đồng nhân loại. Pháp luật về quyền con người ghi nhận các tư tưởng và lý luận về quyền con người, bảo vệ và thúc đẩy sự phát triển tự do, nhân phẩm và hạnh phúc của mỗi người, mỗi quốc gia và văn minh nhân loại. Pháp luật về quyền con người chỉ rõ rằng quyền con người hiện diện trong từng con người và trong cộng đồng xã hội, là tài sản chung, mỗi thành viên trong cộng đồng nhân loại đều được hưởng thụ quyền con người một cách bình đẳng, không phải là sở hữu riêng độc chiếm của một quốc gia hay nhóm người nào. Bảo vệ và thúc đẩy quyền con người cả trong lý luận, pháp luật và thực tiễn là nghĩa vụ và cần sự đóng góp của tất cả các quốc gia, dân tộc, tổ chức và từng cá nhân. Để đạt được những mục tiêu trong lĩnh vực này, nhân loại đang hướng tới xây dựng một “nền văn hóa nhân quyền” ở mọi cấp độ, trong đó kết hợp hài hòa những đặc thù và giá trị truyền thống tốt đẹp của các dân tộc với các tiêu chuẩn pháp lý quốc tế được thừa nhận chung về nhân phẩm và giá trị của con người. Thực tiễn chứng minh rằng sự đảm bảo bằng pháp luật là một trong những điều kiện quan trọng nhất để các quyền con người, quyền công dân được thực hiện.

Trong quá trình đổi mới và hội nhập thế giới, thực hiện từng bước có hiệu quả việc mở rộng, phát huy dân chủ trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội, vấn đề quyền con người, pháp luật về quyền con người là một nội dung rất quan trọng trong chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam, được phản ánh nhất quán và xuyên suốt trong mọi chính sách, luật pháp của Nhà nước Việt Nam từ trước đến nay. Có thể khẳng định, với sự nỗ lực của Đảng và Nhà nước, hệ thống pháp luật của Việt Nam về quyền con người ngày càng được hoàn thiện. Những thành tựu đạt được trong việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về quyền con người đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn phát triển đất nước, tạo cơ sở pháp lý quan trọng để mọi người có cơ hội và điều kiện thuận lợi thụ hưởng quyền con người.

Tuy nhiên, bên cạnh những nỗ lực và thành tựu đạt được trong việc xây dựng và thực thi pháp luật về quyền con người của Nhà nước Việt Nam, vẫn còn gặp một số bất cập và hạn chế. Pháp luật với vai trò là công cụ để quản lý nhà nước còn phần nào chưa phát huy được hết vai trò của mình trong việc công nhận, tôn trọng, bảo vệ quyền con người. Những nguyên nhân khách quan, chủ quan có thể kể đến như là do hệ thống pháp luật của Việt Nam nói chung, trong lĩnh vực quyền con người nói riêng, còn chưa đồng bộ, có chỗ còn chồng chéo, mâu thuẫn, dẫn tới khó khăn, thậm chí hiểu sai, trong quá trình vận dụng và thực thi pháp luật; nhận thức của một bộ phận người dân còn hạn chế, công tác tổ chức thực hiện pháp luật chưa hiệu quả... Đây chính là vật cản lớn đối với sự phát triển của xã hội cũng như trong bảo đảm thực hiện, phát triển con người.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề đó, em đã lựa chọn: ***“Pháp luật về quyền con người ở Việt Nam hiện nay và giải pháp thực thi”*** làm đề tài nghiên cứu. Đây là một đề tài rất rộng, mang tính thời sự, đáp ứng yêu cầu cấp bách cả về lý luận và thực tiễn. Đề tài thực hiện trong một khoảng thời gian ngắn với trình độ có hạn, sẽ không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót trong quá trình thực hiện. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của các Thầy/Cô.

2. Tình hình nghiên cứu

Hiện nay, trên thế giới, quyền con người là một vấn đề lý luận cơ bản và hết sức cấp thiết. Đảng và Chính phủ Việt Nam cũng luôn đặt con người vào vị trí trung tâm trong chính sách phát triển, đã xác lập các tiền đề vững chắc thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ và toàn diện. Do đó, vấn đề về quyền con người từ lâu đã được các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu.

Ở nước ta, có một số công trình nghiên cứu pháp luật về quyền con người:

- Nguyễn Thị Kim Ngân (2007), “Giải quyết việc làm trong thời kỳ hội nhập”, Tạp chí Cộng sản (782), tr.15-20.

- Tạ Quang Ngọc (2005), “Bảo vệ quyền con người ở Việt Nam: chính sách và pháp luật trong điều kiện đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay”, Tạp chí Nhà nước và pháp luật (8), tr.50-54.

- Cao Đức Thái (2005), “Tư tưởng quyền con người trong Tuyên ngôn độc lập năm 1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh” Tạp chí cộng sản (17), tr.23-26.

- Nguyễn Thị Thu Thủy - Võ Phong Hiếu (2023), “Vai trò của Tòa hành chính trong việc bảo đảm quyền con người”, Công thương – Các kết quả nghiên cứu khảo học và ứng dụng công nghệ.

- Võ Khánh Vinh (2010), “Giáo dục quyền con người – Những vấn đề lý luận và thực tiễn”, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

- Sách chuyên khảo: “*Pháp luật về bảo vệ quyền con người*”, của tác giả Nguyễn Bá Diên, Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Kinh tế - Luật, 2007;

- *Quyền con người, quyền công dân trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”, (Sách chuyên khảo), PGS, TS. Trần Ngọc Đường, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008;

- “*Bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong pháp luật hành chính Việt Nam*”, Phạm Hồng Thái, Nguyễn Thị Thu Hương, 2012;

- “*Quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự*”, chủ biên Nguyễn Ngọc Chí, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội, 2015.

- Nguyễn Thị Hoa (2020), “*Vai trò của pháp luật trong việc bảo đảm, bảo vệ quyền con người ở Việt Nam hiện nay*”, Luận văn Thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

- Đỗ Đức Minh (2015), “*Nguồn gốc tư tưởng về quyền con người ở Việt Nam*”, Luật học(08), trang 29-41; Lê Đình Mùì (1997), “*Vai trò của pháp luật trong việc bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân ở nước ta*”, Luận văn Thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội; Nguyễn Thị Thu Thủy - Võ Phong Hiếu (2023), “*Vai trò của Tòa hành chính trong việc bảo đảm quyền con người*”, Công thương - Các kết quả nghiên cứu khảo học và ứng dụng công nghệ.

Các sách tham khảo, công trình, luận văn, luận án và các bài viết nêu trên ít nhiều đã đề cập đến quyền con người, vai trò của pháp luật trong việc bảo đảm, bảo vệ quyền con người ở Việt Nam hiện nay; tuy nhiên chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện về pháp luật về quyền con người và giải pháp thực thi. Vì vậy, đề tài Khóa luận không trùng lặp với bất cứ công trình nghiên cứu nào trước đây.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục tiêu nghiên cứu

Khóa luận nghiên cứu những vấn đề lý luận của pháp luật về bảo vệ quyền con người ở Việt Nam hiện nay; đánh giá thực trạng thực thi pháp luật về bảo vệ quyền con người; từ đó đưa ra quan điểm, giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền con người, bảo đảm và thúc đẩy việc thực hiện pháp luật về quyền con người, đáp ứng yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu làm sáng tỏ cơ sở lý luận về quyền con người, pháp luật về quyền con người. Tổng quan về pháp luật về quyền con người ở Việt Nam: Trình bày một tổng quát về hệ thống pháp luật liên quan đến quyền con người ở Việt Nam, bao gồm Hiến pháp, các luật và văn bản quy phạm pháp luật.

- Phân tích, đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật về quyền con người ở Việt Nam trong thời gian qua, nêu các thành tựu đạt được, những hạn chế và bất cập trong pháp luật về quyền con người.

- Đề xuất giải pháp, kiến nghị dựa trên phân tích và đánh giá, nhằm nâng cao, hoàn thiện pháp luật về quyền con người trong giai đoạn tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu pháp luật về quyền con người, pháp luật về bảo vệ quyền con người ở nước ta hiện nay; đánh giá những kết quả cũng như hạn chế, bất cập từ đó đưa ra các giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về quyền con người trong giai đoạn tới.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Các vấn đề lý luận và quy định của pháp luật về bảo vệ quyền con người: bao gồm quyền tự do cá nhân, quyền công dân và quyền dân sự.

So sánh và phân tích các văn bản pháp luật quốc tế và quốc gia liên quan đến quyền con người.

Nghiên cứu các quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền lợi của con người trong lĩnh vực kinh tế, xã hội và văn hóa, bao gồm quyền lao động, quyền y tế, quyền giáo dục và quyền văn hóa.

Nghiên cứu về các quy định pháp luật liên quan đến quyền tự do ngôn luận, bao gồm quyền biểu đạt, tự do báo chí và tự do truyền thông.

Nghiên cứu trong lĩnh vực pháp luật về quyền con người thường nhấn mạnh vào việc phân tích hiệu quả của các biện pháp pháp luật trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người, cũng như xác định các thách thức và cơ hội trong việc thực thi và tuân thủ các quy định pháp luật này.

Phạm vi thời gian: Giai đoạn từ năm 2013 đến nay

5. Phương pháp nghiên cứu

- Cơ sở lý luận: dựa trên cơ sở lý luận học thuyết Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về pháp luật nói chung và pháp luật về quyền con người nói riêng.

- Các phương pháp khác: Phương pháp so sánh luật học được sử dụng để tham khảo các quy định liên quan đến việc công nhận, tôn trọng, bảo vệ quyền con người của pháp luật thời kỳ trước và pháp luật các nước khác; phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp phân tích tổng hợp lý thuyết, phương pháp thống kê, phương pháp chứng minh nhằm đưa ra các tài liệu chính xác về vấn đề đang được nghiên cứu, tìm hiểu trong bài nghiên cứu.

6. Đóng góp của Khóa luận

Thông qua quá trình nghiên cứu, Khóa luận có một số đóng góp sau:

Thứ nhất, về lý luận, khóa luận đưa ra khái niệm, đặc điểm, nội dung của quyền con người; khái niệm bảo vệ quyền con người; làm rõ vai trò của pháp luật về bảo vệ quyền con người.

Thứ hai, tìm hiểu, đánh giá thực trạng thực thi pháp luật về quyền con người ở Việt Nam hiện nay, đưa ra những thành tựu đạt được trong quá trình thực thi và những hạn chế còn tồn tại trong quá trình thực thi pháp luật và bất cập trong hệ thống pháp luật.

Thứ ba, đưa ra kiến nghị, giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật của bộ máy nhà nước, tăng cường đảm bảo cho những quy định về quyền con người thi hành nghiêm túc, nhằm giảm thiểu tối đa những hành vi xâm phạm quyền con người

7. Bố cục của đề tài

Phần nội dung của Khóa luận bao gồm phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận của pháp luật về quyền con người, bảo vệ quyền con người

Chương 2: Thực trạng thực thi pháp luật về quyền con người ở Việt Nam

Chương 3: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về quyền con người

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI

1.1. Khái quát về pháp luật bảo vệ quyền con người

1.1.1. Khái niệm quyền con người

Trong quá trình loài người phát triển, bởi tính chất quan trọng nên vấn đề quyền con người dần hình thành và được quan tâm c04ả về phương diện thực tiễn cũng như lý luận. Đây luôn là vấn đề được quan tâm hàng đầu của toàn nhân loại ở mỗi giai đoạn phát triển, không phân biệt không gian hay hoàn cảnh. Khi xã hội loài người phát triển qua các hình thái từ Cộng sản nguyên thủy - Chiếm hữu nô lệ - Phong kiến - Tư bản chủ nghĩa đến Cộng sản chủ nghĩa (giai đoạn đầu là Chủ nghĩa xã hội) thì song song với đó, quyền con người ngày càng được xem trọng hơn. Sự mở rộng, phát triển là kết quả khẳng định sự thành công của quá trình đấu tranh cách mạng xã hội, là quá trình loài người dần tự giải thoát mình. Quyền con người tạo nên sự khác biệt cho con người, thể hiện sự tiến bộ vượt bậc, rằng con người tự biết bảo vệ, đấu tranh vì lợi ích của chính mình.

Quyền con người (human rights) là một khái niệm rộng, được nghiên cứu dưới nhiều phương diện, góc độ khác nhau, do đó có nhiều định nghĩa khác nhau. Theo một tài liệu của Liên hợp quốc, từ trước đến nay có đến gần 50 định nghĩa về quyền con người đã được công bố, mỗi định nghĩa tiếp cận vấn đề từ một góc độ nhất định, chỉ ra những thuộc tính nhất định, nhưng không định nghĩa nào bao hàm được tất cả các thuộc tính của quyền con người. Xét về khía cạnh ngôn ngữ, human rights trong tiếng Anh thường được dịch là quyền con người hoặc là nhân quyền, trong đại từ điển tiếng Việt “nhân quyền” là từ đồng nghĩa với “quyền con người”.

Tính phù hợp của các định nghĩa hiện có về quyền con người phụ thuộc vào sự nhìn nhận chủ quan của mỗi cá nhân, tuy nhiên, ở cấp độ quốc tế, có một định nghĩa. Tùy theo mỗi góc độ và mục tiêu nghiên cứu đối với quyền con người mà các chủ thể nghiên cứu đưa ra một định nghĩa khác nhau. Tổng hợp theo cái nhìn chung tổng quát và phổ biến nhất, định nghĩa về quyền con người của Văn phòng Cao ủy Nhân quyền Liên hợp quốc thường được trích dẫn bởi các nhà nghiên cứu, thì *“quyền con người là những bảo đảm pháp lý toàn cầu có tác dụng bảo vệ các cá nhân và nhóm chống lại những hành động hoặc sự bỏ mặc mà làm tổn hại đến nhân phẩm, những sự được phép và tự do cơ bản của con người”*. Cùng với đó, quyền con người còn được diễn giải theo quan điểm của học thuyết về các quyền tự nhiên, theo đó *“quyền con người là những sự được phép mà tất cả thành viên của cộng đồng nhân loại, không phân biệt giới tính, chủng tộc, tôn giáo, địa vị xã hội... có được từ khi họ được sinh ra, bởi vì là con người”*.

Ở Việt Nam, đã có những định nghĩa về quyền con người do một số cơ quan nghiên cứu và chuyên gia từng nêu ra *“quyền con người là những nhu cầu, lợi ích tự nhiên, vốn có và khách quan của con người được ghi nhận và bảo vệ trong pháp luật quốc gia và các thỏa thuận quốc tế”*. Những đặc quyền cơ bản mang tính tự nhiên bao gồm: quyền được sống, được bảo vệ, được tự do phát triển. Cho dù những đặc quyền đó là tự nhiên vốn có con người sinh ra đã có, nhưng nếu chưa được công nhận không có cơ sở để làm căn cứ áp dụng vào trong đời sống thực tế hoặc được áp dụng một cách không thống nhất, đồng bộ. Do vậy, để thật sự đạt tới cái gọi là quyền (nghĩa là con người phải có được trên thực tế) thì cần phải có công cụ để ghi nhận, bảo đảm thực hiện. Công cụ này có thể bằng pháp luật, bằng quyền lực tối cao như quyền lực nhà nước. Để có thể bảo

vệ cho con người như đúng vai trò vốn có của nó thì các đặc quyền phải được nhà nước, pháp luật ghi nhận, điều chỉnh, bảo đảm thực hiện.

Như vậy, nhìn ở góc độ nào và ở cấp độ nào thì quyền con người cũng được xác định là những chuẩn mực được cộng đồng quốc tế thừa nhận và tuân thủ. Những chuẩn mực này kết tinh những giá trị nhân văn của toàn nhân loại, chỉ áp dụng với con người, cho tất cả mọi người, Nhờ có những chuẩn mực này, mọi thành viên trong gia đình nhân loại mới được bảo vệ nhân phẩm và mới có điều kiện phát triển đầy đủ các năng lực của cá nhân với tư cách là một con người. Cho dù cách nhìn nhận có những khác biệt nhất định, một điều rõ ràng là quyền con người là những giá trị cao cả cần được tôn trọng và bảo vệ trong mọi xã hội và trong mọi giai đoạn lịch sử. Trong một cuộc khảo sát gần đây do CNN – một trong các cơ quan truyền thông nổi tiếng nhất thế giới – tiến hành, quyền con người được xem là một trong mười phát minh làm thay đổi thế giới (cùng với nông nghiệp, phân tâm học, thuyết tương đối, vắc xin, thuyết tiến hóa, mạng thông tin toàn cầu, số không và lực hấp dẫn...)

1.1.2. Nội dung quyền con người

Hiện nay, có rất nhiều văn kiện pháp luật quốc tế quy định về quyền con người, tuy nhiên, dựa trên hệ thống các văn kiện của Luật nhân quyền quốc tế, có thể chia nội dung quyền con người thành những nhóm quyền cơ bản sau: quyền dân sự, chính trị; quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, quyền con người của nhóm người dễ bị tổn thương.

Thứ nhất, các quyền dân sự, chính trị. Các quyền này được đề cập chủ yếu ở trong hai văn kiện quốc tế là: Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người 1948 (UDHR) và Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (ICCPR). Việc phân chia các nhóm quyền dân sự và quyền chính trị chỉ mang tính chất tương đối, trên thực tế, có một số quyền có thể được xếp vào cả hai nhóm. Quyền dân sự (Civil rights) là các quyền liên quan tới cá nhân, mục đích là để bảo vệ và đáp ứng các nhu cầu của các cá nhân, không thể chuyển giao quyền cho người khác. Ví dụ: Quyền không bị phân biệt đối xử, được thừa nhận và được đối xử bình đẳng trước pháp luật; Quyền sống tự do và an ninh cá nhân; Quyền về xét xử công bằng, quyền về tự do đi lại, cư trú; Quyền được bảo vệ đời tư,... Quyền chính trị (political rights) là các quyền mang tính chất tập thể, liên quan tới các công việc và sự hoạt động của Nhà nước, đó là các quyền: Quyền tự do biểu đạt, Quyền tự do lập hội; Quyền tự do hội họp một cách hòa bình; Quyền tham gia vào đời sống chính trị.

Thứ hai, quyền kinh tế, xã hội và văn hóa: Nhóm quyền này được ghi nhận đầu tiên tại Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người năm 1948 (UDHR) và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa (ICESCR). Nhóm quyền kinh tế (economic rights), sẽ bao gồm các quyền sau: Quyền được thụ hưởng và duy trì tiêu chuẩn sống thích đáng; Quyền lao động Nhóm quyền xã hội (social rights), bao gồm: Quyền được hưởng an sinh xã hội, Quyền được hỗ trợ về gia đình; Quyền được hưởng sức khỏe về thể chất và tinh thần. Nhóm quyền văn hóa (cultural rights), bao gồm: Quyền giáo dục, Quyền được tham gia vào đời sống văn hóa và được hưởng các thành tựu của khoa học. Trong quá trình nghiên cứu và áp dụng thực tiễn, một số quyền đôi khi sẽ được chia thành các quyền cụ thể hơn.

Thứ ba, quyền của một số nhóm người dễ bị tổn thương: Nhóm người dễ bị tổn thương (vulnerable groups) là một khái niệm được dùng để chỉ các nhóm, cộng đồng người có vị thế về chính trị, xã hội hoặc kinh tế thấp hơn, từ đó khiến họ có nguy cơ bị tổn thương về quyền con người cao hơn, và bởi vậy, họ cần được chú ý bảo vệ đặc biệt

so với những nhóm đối tượng khác. Cụ thể, có thể hiểu đơn giản rằng nhóm người dễ bị tổn thương sẽ bao gồm: trẻ em, phụ nữ, người khuyết tật, người cao tuổi,... Đây là nhóm người yếu thế trong xã hội, rất dễ có khả năng bị xâm hại các quyền cơ bản của con người. Vì vậy, việc xây dựng một khung pháp lý dành riêng cho nhóm người này là cần thiết và hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh thực tế khi áp dụng pháp luật bảo đảm, bảo vệ quyền con người.

Quyền con người của các nhóm dễ bị tổn thương là một trong những bộ phận quan trọng của luật nhân quyền quốc tế và nếu như theo lịch sử thì vấn đề quyền con người của nhóm yếu thế đã được các quốc gia quan tâm bảo vệ từ rất sớm. Cụ thể, trong lời nói đầu Hiến chương Liên hợp quốc 1945 đã khẳng định sự bình đẳng giữa nam và nữ bên cạnh việc khẳng định sự bình đẳng giữa các nước lớn và nhỏ; Tuyên ngôn thế giới về quyền con người cũng không quên đề cập tới quyền bình đẳng giữa nam và nữ tại Điều 16, quyền được bảo vệ của bà mẹ và trẻ em tại Điều 25,... ngoài ra, còn có nhiều công ước, tuyên bố khác: Công ước về vị thế của người tị nạn năm 1951; Công ước về xóa bỏ lao động cưỡng bức năm 1957; Tuyên bố về quyền trẻ em năm 1959.

1.1.3. Pháp luật về bảo vệ quyền con người

1.1.3.1. Khái niệm pháp luật về quyền con người

Pháp luật về bảo vệ quyền con người là tập hợp các quy định, nguyên tắc và quyền lực pháp lý được thiết lập nhằm bảo vệ và đảm bảo quyền lợi, tự do và công bằng cho con người. Nó tập trung vào việc đảm bảo rằng mọi người được đối xử công bằng, tôn trọng và không bị vi phạm quyền của mình. Pháp luật về bảo vệ quyền con người thường được hình thành thông qua các hệ thống pháp luật quốc gia và quốc tế. Các quy định và quyền lực pháp lý này có thể được thể hiện trong các văn bản pháp lý, bao gồm:

- + *Hiến pháp*: Đây là văn bản cơ bản và cao nhất của một quốc gia, quy định các quyền và tự do cơ bản của công dân. Hiến pháp thường chứa đựng các quyền con người như quyền tự do ngôn luận, quyền tự do tôn giáo, quyền bình đẳng và quyền công dân.

- + *Các công ước và hiệp định quốc tế*: Đây là các văn bản quốc tế mà các quốc gia có thể gia nhập và cam kết tuân thủ. Các công ước và hiệp định này cung cấp quyền và bảo vệ quyền con người thông qua việc xác định các tiêu chuẩn tối thiểu và nguyên tắc đồng nhất mà các quốc gia phải tuân thủ.

- + *Luật pháp quốc gia*: Mỗi quốc gia có thể có các luật pháp và quy định riêng về bảo vệ quyền con người. Đây có thể là các luật pháp về quyền công dân, quyền tư pháp, quyền lao động, quyền gia đình, quyền trẻ em và nhiều lĩnh vực khác.

- + *Quy tắc và quyền lực của các tổ chức và cơ quan quốc tế*: Các tổ chức và cơ quan quốc tế như Liên Hợp Quốc, Tổ chức Lao động Quốc tế, Tòa án Hình sự Quốc tế và các tổ chức phi chính phủ khác có thể có quyền lực và quy tắc để giám sát và thúc đẩy tuân thủ pháp luật về quyền con người.

Pháp luật về bảo vệ quyền con người có thể bao gồm các lĩnh vực và quyền con người sau đây:

- *Quyền tự do cá nhân*: Bao gồm quyền tự do ngôn luận, tư tưởng, tôn giáo, tự do hội họp, tự do báo chí và quyền riêng tư. Pháp luật bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực này đảm bảo rằng mọi người có quyền tự do diễn đạt ý kiến, tín ngưỡng, hội họp và bảo vệ thông tin cá nhân của mình.

- *Quyền công bằng và bình đẳng*: Bao gồm quyền bình đẳng trước pháp luật, quyền không bị kỳ thị, phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc, tôn giáo, giới tính, nguồn gốc dân tộc, tuổi tác hoặc tình trạng hôn nhân. Pháp luật bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực này đảm bảo rằng mọi người được đối xử công bằng và bình đẳng trước pháp luật và trong xã hội.

- *Quyền tự do và an toàn cá nhân*: Bao gồm quyền không bị tra tấn, hành hình, tù đầy trái pháp luật, quyền an toàn và bảo vệ khỏi sự xâm hại. Pháp luật bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực này đảm bảo rằng mọi người có quyền sống an toàn và không bị hành hình hay bị đối xử tàn ác, khắc nghiệt.

- *Quyền công dân và quyền tự do chính trị*: Bao gồm quyền tham gia vào quá trình chính trị, quyền bầu cử, quyền thành lập và tham gia các tổ chức chính trị. Pháp luật bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực này đảm bảo rằng mọi người có quyền thể hiện ý kiến chính trị, tham gia vào quá trình ra quyết định và có quyền lựa chọn đại diện chính trị.

- *Quyền kinh tế, xã hội và văn hóa*: Bao gồm quyền lao động, quyền hưởng lợi từ tiến bộ xã hội và văn hóa, quyền giáo dục và quyền tham gia vào cuộc sống văn hóa. Pháp luật bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực này đảm bảo rằng mọi người có quyền lao động công bằng, hưởng lợi từ sự phát triển xã hội và văn hóa, có quyền tiếp cận giáo dục và tham gia vào cuộc sống văn hóa của xã hội.

Điều quan trọng cần lưu ý là quyền con người không phải là tuyệt đối và có thể bị hạn chế trong một số trường hợp nhất định, chẳng hạn như bảo vệ an toàn công cộng hoặc tôn trọng quyền của người khác. Tuy nhiên, bất kỳ giới hạn nào cũng phải tương xứng, cần thiết và được pháp luật quy định. Các luật và khung pháp lý cụ thể để bảo vệ quyền con người khác nhau giữa các quốc gia và khu vực. Các hiệp ước quốc tế về nhân quyền, chẳng hạn như Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị, và Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa, đóng vai trò là các tiêu chuẩn và hướng dẫn quan trọng cho luật pháp và thực tiễn quốc gia.

- *Công ước Quốc tế về Dân quyền và Chính trị (International Covenant on Civil and Political Rights - ICCPR)*: Đây là một trong những công ước quốc tế quan trọng nhất về quyền con người. ICCPR bảo vệ các quyền dân sự và chính trị, bao gồm quyền tự do ngôn luận, quyền tự do tôn giáo, quyền tự do hội họp và quyền công bằng trước pháp luật.

- *Công ước Quốc tế về Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (International Covenant on Economic, Social and Cultural Rights - ICESCR)*: Công ước này bảo vệ các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa của con người, bao gồm quyền lao động, quyền hưởng lợi từ tiến bộ xã hội, quyền giáo dục và quyền tham gia vào cuộc sống văn hóa.

- *Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân quyền (Universal Declaration of Human Rights - UDHR)*: Đây là một tài liệu không ràng buộc pháp lý nhưng có tầm quan trọng to lớn. UDHR nêu bật các quyền con người cơ bản, bao gồm quyền tự do, quyền công bằng, quyền không bị tra tấn, quyền không bị kỳ thị và quyền sống.

Bên cạnh các tài liệu quốc tế, hầu hết các quốc gia có hệ thống pháp luật riêng để bảo vệ quyền con người. Các quy định và quyền lực pháp lý có thể được đề ra trong hiến pháp, luật pháp, điều lệ, quy chế và quy định khác. Cơ quan pháp luật và hệ thống tư pháp của một quốc gia có trách nhiệm thi hành và áp dụng các quy định này để bảo vệ

quyền con người. Mục tiêu chính của pháp luật về bảo vệ quyền con người là xây dựng một xã hội công bằng, tự do và tôn trọng nhân phẩm con người. Nó cung cấp cơ sở pháp lý để đảm bảo rằng mọi người được đối xử công bằng và không bị vi phạm quyền con người của mình.

1.1.3.2. Vai trò của pháp luật trong bảo vệ quyền con người

Ở Việt Nam hiện nay, chúng ta ngày càng nhận thức rõ hơn về vấn đề bảo đảm QCN. Bảo đảm, bảo vệ QCN là một quá trình, nó phụ thuộc vào tổng thể nhiều điều kiện khác nhau (kinh tế, chính trị, pháp luật, văn hóa...) trong đó pháp luật có vị trí, vai trò và tầm quan trọng hàng đầu. Vai trò đó biểu hiện cụ thể như sau:

Pháp luật ghi nhận các quyền con người, là tiền đề cho việc bảo vệ quyền con người

• Pháp luật xác lập những quyền năng cụ thể của con người

Về mặt pháp lý, lần đầu tiên khái niệm “quyền con người” được đề cập lần đầu tiên lại Điều 50 Hiến pháp CHXHCN năm 1992. Những các quyền cơ bản của con người đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định trong bản Tuyên ngôn Độc lập, sớm hơn 3 năm so với Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền được Đại hội đồng Liên Hợp quốc thông qua ngày 10/12/1948. Xa hơn nữa, cách đây hơn 100 năm, các quyền cơ bản của các dân tộc ở Đông Dương đã được Hồ Chí Minh thay mặt Hội những người An Nam yêu nước đưa ra trong Yêu sách của nhân dân An Nam gửi Hội nghị Hòa bình Versailles năm 1919, Người kêu gọi Chính phủ Pháp cải cách pháp lý ở Đông Dương để cho người bản xứ được quyền hưởng các bảo đảm về pháp luật như người Âu châu, tự do báo chí và tự do ngôn luận, tự do cư trú ở nước ngoài và tự do xuất dương, tự do học tập, thay chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật, đoàn đại biểu thường trực của người bản xứ, do người bản xứ bầu ra...

Người cho rằng “Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng không có ý nghĩa lý gì... Từ lý tưởng cao đẹp đó, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn chú trọng xây dựng, củng cố và hoàn thiện hệ thống pháp luật, kể cả trong những giai đoạn đất nước còn chiến tranh ác liệt. Và cũng xuất phát từ quan điểm của Đảng, Nhà nước Việt Nam là xây dựng nhà nước pháp quyền để bảo vệ quyền con người, bảo vệ thành quả của cách mạng, bảo vệ quyền, độc lập và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ nền văn hóa Việt Nam, mà việc lấy ý kiến của nhân dân vào dự thảo Hiến pháp, dự thảo các đạo luật, văn bản dưới luật đã thành thông lệ, được quy định trong pháp luật, thể hiện sự coi trọng quyền công dân, cố gắng để các văn bản pháp luật có tính khả thi cao trong cuộc sống. Điều này còn thể hiện quyết tâm xây dựng và không ngừng hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

Đạo luật quan trọng đầu của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Hiến pháp năm 1946, ra đời sau ngày đất nước giành lại độc lập đã kế thừa truyền thống nhân văn, nhân ái của dân tộc ta, kết hợp truyền thống văn hóa Á Đông với tinh hoa văn minh phương Tây nhằm mục tiêu giữ vững độc lập cho Tổ quốc, bảo đảm hạnh phúc cho nhân dân. Các quyền cơ bản của con người được khẳng định trong Hiến pháp 1946 và không ngừng được bổ sung trong các bản Hiến pháp sau.

Hiện nay, Hiến pháp năm 2013 đã mở rộng chủ thể của QCN nói chung cũng như các quyền và tự do cơ bản của công dân nói riêng. Theo đó, các chủ thể của QCN thuộc về tất cả mọi người chứ không chỉ là công dân. Việc ghi nhận này có ý nghĩa quan trọng trong việc nội luật hóa các Công ước quốc tế về QCN mà Việt Nam là thành viên, phù hợp với xu thế hội nhập và phát triển, đồng thời, quan trọng hơn là tránh được sự nhầm

lẫn giữa QCN và quyền công dân thường mắc phải trong các Hiến pháp trước đó. Đặc biệt, Hiến pháp năm 2013 đã bổ sung thêm một số quyền mới mang tính thực tế, phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội, thể hiện vai trò làm chủ thực chất của người dân như: quyền được giữ bí mật thông tin, quyền tham gia thảo luận các vấn đề chung của cả nước và địa phương; quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân; quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất và danh dự, quyền được sở hữu về thu nhập hợp pháp, về nhà ở; quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề pháp luật không cấm; quyền được hưởng thụ các giá trị văn hóa, sử dụng các giá trị văn hóa...

Việc ghi nhận các quyền mới của con người trong Hiến pháp đã phản ánh xu thế hội nhập của đất nước, tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc bảo đảm QCN ở Việt Nam. Điều này cũng thể hiện những nỗ lực của Nhà nước Việt Nam trong việc tôn trọng và thừa nhận QCN được ghi nhận trong pháp luật quốc tế, thể hiện sự năng động, nhạy bén của Nhà nước trong việc xử lý mối quan hệ biện chứng giữa QCN với đặc thù về lịch sử, văn hóa, kinh tế, chính trị của các quốc gia, giữa luật quốc tế và pháp luật quốc gia trong quá trình xây dựng và thực thi pháp luật để vừa bảo đảm lợi ích quốc gia, vừa tuân thủ những quy định và cam kết quốc tế, bảo đảm tốt hơn các quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.

Cùng với việc ghi nhận quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật, Hiến pháp 2013 quy định về bản chất quyền lực của Nhà nước Việt Nam là “Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân. Do đó, trách nhiệm của Nhà nước là phải “bảo đảm và không ngừng phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. Các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức phải tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền (Điều 8). Vì vậy, nghĩa vụ của Nhà nước là tạo mọi điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội, công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân (Điều 28); tạo bình đẳng về cơ hội để công dân thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội (Điều 59). Các quy định trên một lần nữa khẳng định nghĩa vụ của Nhà nước không chỉ là ghi nhận QCN mà còn có trách nhiệm tạo ra các cơ chế để bảo đảm QCN đã được ghi nhận.

Bên cạnh việc nâng cao số lượng và chất lượng QCN trong Hiến pháp, Nhà nước chú trọng nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật, ban hành các văn bản luật với các quy định cụ thể, dễ thực hiện, giảm dần các luật, pháp lệnh chỉ dừng lại ở các nguyên tắc chung nhằm giảm bớt việc ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành. Nhiều bộ luật được sửa đổi và ban hành mới đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn, bảo đảm tốt hơn các quyền của người dân như: Bộ luật Dân sự 2015, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Luật Khiếu nại 2011, Luật Tố cáo 2011, Luật về Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước 2017, Bộ luật Lao động 2019, Luật Bảo hiểm xã hội 2014, Luật Bảo hiểm y tế 2008, Luật Sở hữu trí tuệ 2005, Luật Người lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 2006, Luật Người cao tuổi 2009...

Trong công cuộc đổi mới, Nhà nước Việt Nam ban hành nhiều đạo luật quan trọng nhằm tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, vững chắc cho việc tôn trọng và bảo đảm thực thi QCN.

Các bản dự thảo luật đều được công bố công khai trên các trang xây dựng pháp luật, các website của nhà nước và các phương tiện thông tin đại chúng. Nhiều cuộc hội thảo được tổ chức với sự tham gia, hỗ trợ của cơ quan chính phủ và tổ chức phi chính phủ. Người dân, các chuyên gia trong nước và các tổ chức quốc tế nhất là các cơ quan Liên hợp quốc đã góp ý kiến trực tiếp với cơ quan soạn thảo Luật, cơ quan thẩm định luật, hoặc góp ý với Quốc hội, đại biểu Quốc hội. Các cơ quan của Chính phủ, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân thường xuyên đi cơ sở xã, phường, thị trấn, gặp gỡ, tham vấn ý kiến nhân dân, chú trọng những người dân chịu tác động trực tiếp của luật. Nhiều hội nghị của các cơ quan xây dựng pháp luật mời địa diện nhân dân đến dự để tiếp thu ý kiến đóng góp trực tiếp. Khi tiến hành xây dựng Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em và Luật Nuôi con nuôi, các cơ quan xây dựng luật đã mời trẻ em đến để trình bày ý kiến tại các hội thảo, hội nghị. Một số tổ chức phi chính phủ như Hội bảo vệ quyền trẻ em tổ chức các cuộc tham vấn với các nhóm trẻ em đại diện cho các vùng, miền. Các phương tiện thông tin từ Trung ương đến địa phương đều đưa tin cập nhật về các Luật này để nhân dân theo dõi. Nhờ sự đóng góp có trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân mà chất lượng các văn bản luật, văn bản quy phạm pháp luật đã ngày càng được nâng cao.

Những kết quả đạt được trong việc ban hành chính sách, pháp luật về QCN của Nhà nước ta những năm qua là một bước tiến lớn trong quá trình hoàn thiện chính sách, pháp luật về QCN, phù hợp với thực tiễn đòi hỏi trong nước cũng như đáp ứng các yêu cầu của quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế. Các nguyên tắc, tiêu chuẩn về QCN trong luật Nhân quyền quốc tế đã được quán triệt và trở thành nội dung quan trọng của văn bản pháp luật Việt Nam về QCN, tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho các hoạt động bảo vệ và thực thi quyền con người.

- *Quyền con người được pháp luật xác lập là thiêng liêng không thể xâm hại*

Quyền con người đó được pháp luật hóa và mang tính bắt buộc, được xã hội thừa nhận và bảo vệ. Nếu không có sự thừa nhận của xã hội thông qua pháp luật thì quyền tự nhiên vốn có của con người chưa thành quyền thực sự. Ngược lại QCN khi đã được quy định trong pháp luật nó sẽ trở thành quyền pháp định, là ý chí chung của toàn xã hội, được xã hội thừa nhận, phục tùng, được quyền lực nhà nước tôn trọng, bảo vệ. Khi QCN được quy định trong Hiến pháp và các đạo luật khác thì nó sẽ trở thành "tối thượng" có giá trị bắt buộc đối với toàn xã hội, ngay cả với cơ quan cao nhất của nhà nước. Điều này có nghĩa là, một khi nhân quyền được thừa nhận thì không ai có quyền chối bỏ, xâm phạm cho dù đó là cơ quan chính quyền. Đây là quyền mà không chỉ nằm trên phạm vi quốc gia, lãnh thổ mà nằm trên phạm vi toàn cầu.

Khẳng định về QCN, mở đầu Tuyên ngôn Độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trích dẫn hai đoạn văn bất hủ trong Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ năm 1776 và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của cách mạng Pháp năm 1789.

Tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do". Qua đây, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu lên sự phát triển các quyền tự nhiên của con người, quyền sống, quyền độc lập, tự do của dân tộc đã được coi là thành quả văn minh của loài người.

Qua nhiều lần xây dựng, sửa đổi Hiến pháp cho thấy các bản Hiến pháp luôn giữ một vấn đề căn cốt là hiến định các QCN và quyền công dân. Đặc biệt, việc thông qua

Hiến pháp năm 2013 đánh dấu bước tiến quan trọng của Việt Nam trong nhận thức về QCN cũng như trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm QCN, quyền công dân trên tất cả các lĩnh vực.

Cụ thể, Hiến pháp 2013 khẳng định nguyên tắc chung về QCN, quyền công dân như sau: "Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật, Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong các trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng: Quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân, mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác; Công dân có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội; Việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác; Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội....

Bên cạnh đó, tại các kỳ Đại hội của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục xác định mục tiêu bao trùm "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh", qua đó khẳng định quyền làm chủ của nhân dân để bảo đảm QCN ngày càng tốt hơn. Trong đó, Văn kiện Đại hội XII của Đảng xác định: Thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013, gắn quyền với trách nhiệm, nghĩa vụ, đề cao đạo đức xã hội. Đảng, Nhà nước có cơ chế, chính sách bảo vệ và đảm bảo thực hiện tốt quyền con người, quyền công dân theo phương hướng: coi trọng chăm lo hạnh phúc và sự phát triển toàn diện của con người, bảo vệ và bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của con người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về Quyền con người mà nước ta ký kết.

Có thể nói, kể từ khi tiến hành công cuộc đổi mới đến nay, Việt Nam ngày càng nhận thức sâu sắc và bảo đảm tốt hơn quyền con người trên tất cả các lĩnh vực chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội. Đồng thời Đảng và Nhà nước cũng bảo đảm các biện pháp thực hiện quyền con người một cách toàn diện như:

Tổ chức tuyên truyền, giáo dục toàn diện đến các ngành các cấp, cơ quan, đoàn thể và nhân dân các nội dung QCN được pháp luật quy định. Đảm bảo các đối tượng đều nắm chắc các nội dung QCN này đồng thời triển khai thực hiện nghiêm túc, toàn diện thông qua hoạt động của các ngành, các cấp, các cơ quan, đoàn thể và nhân dân.

Hướng dẫn, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện pháp luật của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhằm bảo đảm các quyền đã được công nhận trong Hiến pháp như quyền bầu cử, ứng cử và tham gia quản lý nhà nước, xã hội, quyền khiếu nại, tố cáo, quyền tự do tôn giáo, tin ngưỡng, quyền tiếp cận giáo dục, y tế, các quyền về lao động, việc làm, an sinh xã hội... Đây là hoạt động có ý nghĩa thực tiễn rất quan trọng góp phần bảo đảm QCN và ngăn chặn các hành vi vi phạm QCN. Do vậy, nó thường có tác động nhanh và sâu sắc đến thực tiễn bảo đảm QCN của các cơ quan công quyền ở Trung ương và địa phương.

Lồng ghép QCN vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách phát triển. Hoạt động này phản ánh những đổi mới trong tư duy phát triển của Đảng, Nhà nước Việt Nam, phù hợp với chủ trương xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng trưởng kinh tế kết hợp hài hòa với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Trong thời kỳ đổi mới, nhiều chương trình, chính sách phát triển của Việt Nam đã có những quy định tác động tích cực đến bảo đảm QCN như: Chương trình Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010 và 2011 - 2020, Chương trình Mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo giai đoạn 2001 - 2005, 2006 - 2010, 2012 - 2015; Chương trình Mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững 2015 - 2020, 2020 - 2025; Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới... Nhìn tổng thể, những chương trình, chính sách nêu trên đã hỗ trợ tích cực cho người dân phát huy quyền làm chủ của mình trong quản lý nhà nước, xã hội, tiếp cận thuận lợi hơn với các dịch vụ về việc làm; đào tạo nghề, trợ giúp pháp lý, y tế, giáo dục, an sinh xã hội,... hạn chế gia tăng phân hóa giàu nghèo và góp phần thực hiện mục tiêu công bằng xã hội trong quá trình phát triển. Trực tiếp áp dụng các biện pháp mang tính sáng tạo, phù hợp với bối cảnh cụ thể của từng ngành, từng địa phương nhằm nâng cao năng lực hưởng thụ các quyền của người dân, đặc biệt là của các nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương. Hoạt động này gắn với những sáng kiến đa dạng của các ngành, các địa phương như: tuyên truyền, nâng cao nhận thức về QCN cho cán bộ, công chức, viên chức, các tầng lớp nhân dân; xây dựng các dịch vụ xã hội thân thiện, dễ tiếp cận, đào tạo nguồn nhân lực cho những vùng khó khăn; hỗ trợ trực tiếp cho các nhóm dễ bị tổn thương trước những hiểm họa như thiên tai, mất mùa, dịch bệnh...

Pháp luật quy định các biện pháp bảo vệ quyền con người

• *Pháp luật quy định những điều cấm và những hành vi bắt buộc nhằm ngăn ngừa và phòng chống các hành vi vi phạm quyền con người*

Bên cạnh các quy định pháp luật trong bảo đảm, bảo vệ QCN, pháp luật cũng tập trung ghi nhận các quy định thực hiện QCN trên thực tiễn. Các quy định cấm nhằm bảo đảm QCN không bị vi phạm cũng được ghi nhận cụ thể:

Chương 2 Hiến pháp năm 2013 đã củng cố hầu hết các quyền đã được ghi nhận trong Hiến pháp 1992 nhưng quy định rõ hơn hoặc được tách thành các điều riêng cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và các quy định trong các điều ước quốc tế về nhân quyền. Nhiều quy định về QCN, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân đã được quy định trong các Hiến pháp năm 1992 và các Hiến pháp trước đây đã được bổ sung, hoàn thiện, làm mới theo tư duy mới hoặc tách ra thành các điều riêng như các quyền : Bình đẳng trước pháp luật (Điều 16): Cấm tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình (Điều 20 Khoản 1), Bảo vệ đời tư và nơi ở (Điều 21, 22): Tiếp cận thông tin (Điều 25), Tham gia quản lý Nhà nước và xã hội (Điều 28), Bình đẳng giới (Điều 26), Bỏ phiếu trong trưng cầu ý dân (Điều 29), tổ tụng công bằng (Điều 31), Sở hữu và sở hữu tư nhân (Điều 32); Lao động, việc làm (Điều 35). Các quy định này trong Hiến pháp không chỉ thể hiện rõ hơn nội hàm khái niệm và nội dung các quyền mà còn nâng cao tính khả thi của những quy định về quyền ngay trong Hiến pháp.

Hiến pháp năm 2013 ghi nhận: “Mọi người có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật” hay “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân...”. Điều này thể hiện rõ nét quy định cấm xâm phạm tính mạng con người trái pháp luật, nhằm bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về tính mạng con người. Cụ thể hóa quy định này của Hiến pháp thì BLHS năm 2015 cũng quy định cụ thể các

tội danh và hình phạt cụ thể nhằm bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khỏe con người, thể hiện bám sát tinh thần nội dung Hiến pháp năm 2013 về bảo vệ QCN ở Việt Nam. Đồng thời quy định nghiêm cấm phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, sử dụng nhân công dưới độ tuổi lao động... Những quy định mới và rõ ràng này trong Hiến pháp 2013 có giá trị xã hội to lớn bảo vệ QCN trong điều kiện phân công lại lao động xã hội, tái cấu trúc nền kinh tế và hội nhập kinh tế thế giới đang diễn ra sôi động trên đất nước ta.

- *Pháp luật bảo vệ quyền con người khi bị xâm hại*

Với mục tiêu các QCN, quyền cơ bản của công dân được bảo vệ, bảo đảm thi hành bằng cả hệ thống pháp luật, trong đó pháp luật hình sự luôn được coi là một công cụ pháp lý quan trọng, sắc bén để bảo vệ có hiệu quả các QCN, quyền công dân. Với tư cách là công cụ sắc bén, hữu hiệu nhất trong việc bảo vệ chế độ bảo vệ trật tự an toàn xã hội và bảo vệ quyền con người, BLHS 2015 và BLTTHS 2015 đã quán triệt sâu sắc những yêu cầu mới mà Hiến pháp năm 2013 đặt ra về quyền con người và đã có những quy định phù hợp để đáp ứng những yêu cầu đó.

Một là, giảm các tội danh phải chịu án tử hình, đặc biệt là tội phạm kinh tế và các tội phạm liên quan đến ma túy, chỉ áp dụng án tử hình với những tội danh nghiêm trọng nhất, tiếp tục cải cách, trong đó có việc minh bạch hơn trong áp dụng án tử hình, hướng tới việc bỏ tử hình; tiếp tục áp dụng án tử hình như là một công cụ tư pháp hình sự phù hợp với luật nhân quyền quốc tế (88,90,92,94,95,114).

Hai là, BLHS năm 2015 đã thể chế hóa chủ trương hạn chế áp dụng hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt ngoài tù theo hướng quy định phạt tiền là hình phạt chính.

Ba là, BLHS năm 2015 đã thể hiện rõ nét chính sách nhân đạo khi bổ sung các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự, bổ sung chế định tha tù trước thời hạn và sửa đổi cơ bản chế định xóa án tích trên cơ sở nguyên tắc bảo vệ QCN, bảo đảm bình đẳng và công bằng xã hội. Đồng thời sửa đổi, bổ sung các quy định trong phần các tội phạm theo hướng tăng cường bảo vệ QCN, quyền công dân, bảo vệ quyền của nhóm yếu thế, dễ tổn thương.

Bốn là, bảo đảm QCN tại nguyên tắc “Tranh tụng trong xét xử được bảo đảm”. Nguyên tắc này góp phần xác định sự thật khách quan của vụ án. Vì trong giai đoạn xét xử, các bên tham gia tố tụng sẽ thực hiện việc chứng minh các tình tiết của vụ án, các chứng cứ một cách bình đẳng. “Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tranh tụng dân chủ, bình đẳng trước Tòa án”. Điều này có ý nghĩa nâng cao hơn nữa quyền của người bị buộc tội, góp phần để họ thực hiện tốt hơn việc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tự gỡ tội cho mình, đảm bảo sự đúng đắn, khách quan, thống nhất trong quá trình xử lý vụ án hình sự.

Năm là, bảo đảm QCN tại nguyên tắc “Suy đoán vô tội” (Điều 13 BLTTHS 2015). Nguyên tắc suy đoán vô tội là một nguyên tắc nhân đạo, góp phần hữu hiệu vào việc bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự, thể hiện được bản chất của nguyên tắc “Suy đoán vô tội”, đó là “khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo không có tội”. Những thay đổi này là một bước tiến lớn trong quá trình tiếp cận những giá trị nhân văn của nền pháp lý phổ quát của nhân loại.

- *Pháp luật thể hiện nguyên tắc giới hạn quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân*

QCN tuy mang tính tự nhiên, vốn có và không cần ai ban phát nhưng không phải trong mọi trường hợp đều có thể thực hiện QCN một cách tuyệt đối. Nói cách khác, vì lợi ích chung, trong những trường hợp cần thiết, QCN, quyền công dân có thể bị giới hạn. Ví dụ: trong tình hình dịch Covid-19 bùng phát trên toàn cầu, riêng Việt Nam ta đã có những biện pháp phòng chống dịch như yêu cầu giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ, đưa những người là F1, F2 của bệnh nhân nhiễm Covid-19 vào khu cách ly 14 ngày để hạn chế sự lây lan của dịch bệnh ra cộng đồng. Đây là một hành động hạn chế quyền tự do của con người trong giới hạn của luật định vì sức khỏe cộng đồng.

Nguyên tắc giới hạn quyền không tồn tại một cách biệt lập mà trong mối liên hệ thống nhất với các nguyên tắc khác được quy định tại Điều 15: “Mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác” (khoản 2); “Việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác” (khoản 4). Ở từng khía cạnh cụ thể, những nguyên tắc này hướng đến điều chỉnh hành vi của các chủ thể có quyền, còn nguyên tắc giới hạn quyền lại hướng đến chủ thể có nghĩa vụ, trách nhiệm, công dân, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền, chính là Nhà nước.

Nhìn chung, tư tưởng giới hạn quyền được thể hiện phù hợp với yêu cầu lập hiến ở mỗi giai đoạn phát triển của đất nước và ngày càng hoàn thiện, tiến bộ hơn trong quá trình phát triển chung của nền lập hiến Việt Nam. Sự giới hạn quyền ngày càng hướng đến mục tiêu bảo vệ các quyền một cách tốt hơn, theo bản chất của quyền đồng thời cũng bảo đảm cho tính hiện thực của quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân.

Pháp luật thiết lập hệ thống thiết chế bảo vệ quyền con người

Những năm qua, Nhà nước Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc đổi mới, kiện toàn tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước và đã thu được nhiều thành tựu quan trọng. Không chỉ hoàn thiện các cơ quan trong tổ chức bộ máy nhà nước, Nhà nước ta còn đặc biệt chú trọng tới việc xây dựng các cơ quan chuyên môn, chuyên trách về QCN như: Ban Chỉ đạo Nhân quyền Chính phủ và các địa phương, xây dựng và hoàn thiện tổ chức của các cơ quan chuẩn bị và thực hiện Báo cáo tình hình thực hiện các Công ước quốc tế về QCN mà Việt Nam là quốc gia thành viên. Bên cạnh việc xây dựng, hoàn thiện tổ chức của Ban chỉ đạo về Nhân quyền, Chính phủ, Nhà nước có nhiều nỗ lực trong việc xây dựng và hoàn thiện Báo cáo Nhân quyền trong khuôn khổ Cơ chế rà soát định kỳ phổ quát (UPR) của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc cũng như các hoạt động hợp tác quốc tế khác trên lĩnh vực. Đặc biệt, trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân, ngăn chặn việc lạm dụng quyền lực của các cá nhân, tổ chức trong bộ máy nhà nước, Việt Nam đang nghiên cứu và xúc tiến việc thành lập Ủy ban Nhân quyền quốc gia để theo dõi, giám sát, tư vấn việc thực thi QCN trên các lĩnh vực ban hành pháp luật, thực thi Hiến pháp, pháp luật, hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, xem xét về tính tương thích của pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia về quyền con người.

Pháp luật cụ thể hóa các điều kiện cần thiết cho việc thực hiện quyền con người trên thực tế

Các điều kiện này là các điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa,...chỉ khi các điều kiện này được thể hiện dưới hình thức pháp luật thì mới trở thành giá trị xã hội ổn định

và được thực hiện trên quy mô toàn xã hội. Điều kiện chính trị là đường lối chính trị của một quốc gia, được thể chế hóa trong Hiến pháp và pháp luật của quốc gia đó. Việc xây dựng một chế độ chính trị hướng tới sự tôn trọng, bảo vệ quyền con người chính là một trong những điều kiện quan trọng để thực hiện quyền con người. Điều kiện kinh tế là các đường lối, chính sách phát triển kinh tế, điều chỉnh các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ, mua bán hàng hóa,... của người dân. Nhờ có việc thể chế hóa thành các quy định pháp luật, người dân sẽ được tham gia vào môi trường pháp lý thuận lợi cho các hoạt động kinh doanh, phát huy được các mặt tích cực và tiềm năng, góp phần ngăn chặn và hạn chế các mặt tiêu cực. Điều kiện văn hóa là các đường lối, phương án phát triển văn hóa giáo dục, dân trí; từ đó, mọi người đều có thể tiếp cận tri thức, biết tôn trọng pháp luật, được nâng cao nhận thức về mọi mặt nói chung và về quyền con người trên thực tế sẽ làm nên một xã hội tôn trọng quyền con người, tạo điều kiện để quyền con người ngày càng phát triển, tạo cơ sở pháp lý cho các điều kiện này phát huy được hết vai trò của mình trong đảm bảo, bảo vệ quyền con người.

Pháp luật là công cụ hữu hiệu của nhà nước trong việc thực hiện và bảo vệ quyền con người

Nhà nước quản lý đất nước bằng pháp luật, không phải bằng đạo lý, vì vậy, pháp luật là công cụ quan trọng của Nhà nước trong việc bảo đảm thực hiện và bảo vệ quyền con người. Pháp luật đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc bảo đảm, bảo vệ quyền con người của Nhà nước bởi pháp luật chính là sự thể hiện những đường lối chính sách chỉ đạo của Nhà nước và pháp luật chính là các quy định bắt buộc mà bất cứ cá nhân, tổ chức hay cơ quan nhà nước nào cũng cần phải tuân theo. Xuất phát từ những thuộc tính riêng có của pháp luật đó là: Tính quy phạm phổ quát; Sự phân định rõ ràng về mặt pháp lý và tính được bảo vệ bởi nhà nước. Với những thuộc tính riêng có của mình, quyền công dân được pháp luật không chỉ cụ thể hóa trong những đạo luật mà còn được bảo đảm thi hành một cách nhanh chóng, có hiệu lực trên phạm vi toàn xã hội.

Quyền con người được thể hiện rộng rãi ở mọi mặt của đời sống thông qua pháp luật, Nhà nước đề ra và xây dựng các chính sách, chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, ngoại giao,... để đảm bảo quyền con người được bảo đảm và bảo vệ toàn diện.

Ngày nay, chúng ta đang xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trong đó quyền của công dân khá rộng mở. Pháp luật cũng là công cụ hữu hiệu có trong tay nhà nước can thiệp, kiểm soát, điều tiết hành vi của từng thành phần xã hội hướng tới mục đích thực thi, bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Những quy định về quyền con người, quyền công dân trở thành khuôn mẫu quy định hoạt động của bộ máy nhà nước, công chức nhà nước, thể hiện bản chất nhà nước dân chủ xã hội chủ nghĩa của dân do dân và vì dân. Mọi hành vi xâm hại quyền con người, quyền công dân đều có những cơ chế xử phạt thích đáng. Đồng thời pháp luật có tác dụng định hướng mọi thành viên trong xã hội có thái độ và hành vi ứng xử phù hợp thực thi đầy đủ quyền và nghĩa vụ trước pháp luật, phòng ngừa, đấu tranh hiệu quả với những hành động xâm phạm quyền con người.

1.2. Pháp luật một số nước trên thế giới về bảo vệ quyền con người và hàm ý cho Việt Nam

1.2.1. Pháp luật về bảo vệ quyền con người ở Nhật Bản và một số gợi mở cho Việt Nam

Hiến pháp Nhật Bản được ban hành năm 1946 nên hiện nay thường được gọi là Hiến pháp 1946. Nội dung hiến pháp chia làm 11 chương và 103 điều, có nhiều thay đổi

so với Hiến pháp Minh Trị trước đó của Nhật Bản. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân được quy định ở chương III. Đây là chương nổi bật trong bản hiến pháp này, với 31 điều từ Điều 10 đến Điều 40 (chiếm khoảng 30% toàn bộ dung lượng hiến pháp) quy định về quyền và nghĩa vụ của công dân trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, tôn giáo, hôn nhân gia đình bao gồm các quyền cụ thể: quyền có quốc tịch (Điều 10); quyền tự do cơ bản (Điều 11, 12, 13); quyền bình đẳng (Điều 14); quyền tự do trong bầu cử (Điều 15); quyền được khiếu nại và bồi thường (Điều 16, 17); quyền tự do, quyền tự do tư tưởng, ngôn luận, tôn giáo (Điều 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24); quyền về mức sống và giáo dục (Điều 25, 26); quyền lao động và nghỉ ngơi (Điều 27, 28); quyền sở hữu tài sản và nghĩa vụ đóng thuế (Điều 29, 30); các hành vi vi phạm quyền con người bị cấm (từ Điều 31 đến Điều 40). Cách thức ghi nhận quyền con người trong Hiến pháp Nhật Bản phù hợp với thông lệ chung của đa số hiến pháp hiện nay, đó là ghi nhận các quyền con người, quyền công dân trong phạm vi hiến pháp hiện hành.

Có thể đưa ra một số nhận xét đánh giá về Hiến pháp Nhật Bản 1946 như sau:

**Những điểm tích cực trong việc ghi nhận quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp Nhật Bản 1946:*

Thứ nhất, quyền con người, quyền công dân được ghi nhận trong Hiến pháp Nhật Bản 1946 không bị giới hạn một cách tùy tiện bởi luật. Đây là một điểm mới và rất tiến bộ so với Hiến pháp Minh Trị trước đó của Nhật Bản. Nếu như các điều quy định về quyền công dân trong Hiến pháp Minh Trị đều gắn thêm cụm từ “theo quy định của luật” hoặc “trong giới hạn của luật” dễ dẫn đến cách hiểu tiêu cực theo nghĩa nhà nước có thể ban hành các đạo luật để vô hiệu hóa các quyền năng của con người hoặc hạn chế một phần quyền năng ấy thì nay trong Hiến pháp 1946 của Nhật Bản đã không còn các cụm từ kiểu như vậy nữa. Điều đó cho thấy Nhật Bản đã chủ trương xây dựng một nền dân chủ bất kị phương Tây mà ở đó quyền con người, quyền công dân được ghi nhận, tôn trọng và không thể bị tước bỏ hay giới hạn một cách tùy tiện bởi bất cứ một văn bản luật nào.

Thứ hai, Hiến pháp Nhật Bản, bên cạnh việc ghi nhận quyền công dân cho những người có quốc tịch Nhật Bản còn ghi nhận cả quyền con người áp dụng cho người nước ngoài cư trú tại Nhật Bản. Những quyền nào chỉ dành cho công dân Nhật Bản thì được ghi là công dân có quyền, còn những quyền dành cho tất cả mọi người bao gồm cả công dân Nhật Bản và những người nước ngoài thì được bắt đầu bằng “không ai” hay “mọi người”... Chẳng hạn như Điều 26 Hiến pháp 1946 của Nhật Bản ghi nhận quyền về giáo dục chỉ dành cho công dân của nước này như sau: “Mọi công dân đều có quyền hưởng một nền giáo dục bình đẳng phù hợp với khả năng và đúng theo quy định của luật pháp. Tất cả mọi công dân đều phải đảm bảo cho con trai, con gái của họ được tiếp thu giáo dục phổ thông theo quy định của luật. Giáo dục bắt buộc là miễn phí”. Trong khi đó, tại Điều 31 của Hiến pháp này quy định về quyền con người thì cụm từ “công dân” được thay thế bằng cụm từ “không ai” để chỉ tất cả mọi người nói chung đang sinh sống ở Nhật Bản, không phân biệt có quốc tịch hay không có quốc tịch của nước sở tại. Cụ thể nội dung của điều này được quy định như sau: “không ai bị tước bỏ quyền sống, quyền tự do hay phải chịu các hình phạt hình sự trừ khi bị xét xử theo thủ tục tố tụng được luật pháp quy định”. Tương tự, tại Điều 32 quy định về quyền con người cũng mở đầu bằng “không ai”: “không ai bị tước bỏ quyền tiếp cận các tòa án”... Có thể nói rằng những quy định phân biệt rõ ràng chủ thể của quyền như vậy là một sự tiến bộ không chỉ so với Hiến pháp Minh Trị trước đó mà ngay cả với các bản hiến pháp hiện đại ngày nay trên thế giới. Việc quy định như vậy đã phân biệt rõ quyền con người và quyền công

dân, đồng thời xác định rõ những quyền nào thì người nước ngoài không có quốc tịch Nhật Bản cũng được hưởng và những quyền nào chỉ công dân Nhật Bản (những người có quốc tịch Nhật Bản) mới được hưởng. Hiến pháp Nhật Bản hiện nay được ban hành từ 1946 nhưng những quy định về nhân quyền trong đó không hề lạc hậu so với luật nhân quyền thế giới hiện nay.

Những quy định về nhân quyền trong Hiến pháp Nhật Bản 1946 hoàn toàn phù hợp với các quyền về dân sự và chính trị trong Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền năm 1948 và các Công ước quốc tế về nhân quyền năm 1966 (hai công ước quốc tế về nhân quyền được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua năm 1966 vẫn có hiệu lực trong thời đại ngày nay là Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa và Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị).

Thứ ba, so với hiến pháp của nhiều quốc gia và hệ thống quyền con người được ghi nhận trong luật nhân quyền quốc tế thì hệ thống các quyền con người, quyền công dân được ghi nhận trong Hiến pháp Nhật Bản năm 1946 khá phong phú và đa dạng làm cho bản hiến pháp này đứng trong số những hiến pháp ghi nhận số lượng quyền cao trên thế giới.

Căn cứ vào những quy định về quyền con người, quyền công dân trong chương này, chúng ta có thể thấy rằng số lượng quyền con người, quyền công dân được mở rộng hơn so với Hiến pháp Minh Trị trên cả phương diện phạm vi và mức độ. Về phạm vi, số lượng quyền nhiều hơn (31 điều so với 15 điều của Hiến pháp Minh Trị) và mở rộng ra nhiều vấn đề, phù hợp với những quy định nhân quyền của một bản hiến pháp hiện đại. Về mức độ, quyền con người, quyền công dân được hiến định theo hướng không có sự can thiệp (giới hạn) từ phía nhà nước trên cơ sở tôn trọng và bảo đảm nhân quyền được thực thi ở mức tối đa.

Thứ tư, chương quyền và nghĩa vụ công dân được đặt ở vị trí thứ ba cho thấy các nhà soạn thảo Hiến pháp Nhật Bản rất coi trọng vấn đề nhân quyền. Đây là chủ chương của những nhà soạn thảo người Mỹ khi soạn dự thảo hiến pháp sửa đổi cho Nhật Bản, đó là muốn đưa ra một bản hiến pháp mang tính dân chủ, hiện đại và coi trọng nhân quyền. Điều này cũng phù hợp với xu hướng chung của các bản hiến pháp trên thế giới trong thời đại ngày nay đó là chương quyền con người, quyền công dân thường ở vị trí thứ hai hoặc thứ ba. Chẳng hạn như Hiến pháp Ba Lan đặt ở chương II, Hiến pháp Hàn Quốc đặt ở chương II, Hiến pháp Trung Quốc đặt ở chương II, Hiến pháp Thụy Điển đặt ở chương II.

**Những hạn chế trong Hiến pháp 1946 của Nhật Bản*

Hiến pháp Nhật Bản đã có những quy định rất hiện đại về quyền con người, quyền công dân bắt kịp với xu thế của thời đại và tương đối phù hợp với những quy định về quyền con người trong các văn bản pháp lý quốc tế về nhân quyền. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế cần phải khắc phục để bản Hiến pháp hoàn thiện hơn.

Thứ nhất, chương quy định về quyền con người, quyền công dân chỉ ghi là Quyền và nghĩa vụ của công dân như vậy sẽ không phản ánh hết nội dung của chương này và có thể dẫn đến sự hiểu lầm rằng chỉ những công dân Nhật Bản mới có những quyền con người còn người nước ngoài ở Nhật Bản không có, đồng nghĩa với việc những quyền con người được cộng đồng quốc tế ghi nhận và bảo vệ lại không được Nhật Bản thừa nhận mặc dù thực tế những quyền con người vẫn được thừa nhận ở Nhật Bản nhưng

được đặt trong chương quyền công dân. Để tránh hiểu lầm thì tên chương nên đổi thành “Quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân” sẽ hợp lý hơn.

Thứ hai, thiếu những quy định về thiết chế bảo vệ và thúc đẩy nhân quyền. Hiến pháp 1946 của Nhật Bản không có quy định nào về các thiết chế bảo vệ và thúc đẩy nhân quyền.

Thứ ba, thiếu những quy định về giới hạn và tạm đình chỉ quyền. Việc quy định về giới hạn hay tạm đình chỉ quyền là điều cần thiết, bởi lẽ, trong khi hưởng thụ các quyền cá nhân phải đảm bảo không xâm hại đến lợi ích của cá nhân khác và lợi ích của cộng đồng hoặc trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh, sức khỏe cộng đồng thì quyền con người có thể bị hạn chế. Vấn đề giới hạn quyền đã được đề cập đến trong luật nhân quyền quốc tế và trong nhiều bản hiến pháp của các nước trên thế giới.

Qua nghiên cứu và phân tích trên có thể thấy rằng trên phương diện nào đó tư duy lập hiến về quyền con người, quyền công dân ở Nhật Bản bộ hơn ở Việt Nam. Những quyền con người, quyền công dân ở Nhật Bản mặc dù được hiến định từ năm 1946 và chưa một lần được sửa đổi nhưng vẫn mang giá trị thời đại, không hề tỏ ra lạc hậu trong khi để đạt được điều đó, chúng ta đã phải sửa đổi, bổ sung 6 lần, lần cuối là năm 2013. Điều đó cho thấy khả năng dự liệu và tiên bộ trong tư duy lập hiến của những nhà soạn thảo Hiến pháp Nhật Bản. Hiến pháp hiện hành của Nhật Bản đã quy định một số quyền con người phù hợp với các công ước quốc tế trong khi Hiến pháp hiện hành của Việt Nam chưa quy định, cụ thể là các quyền sau: Quyền không bị bắt làm nô lệ và nô dịch: quyền này đã được quy định tại Điều 8 Công ước về các quyền dân sự và chính trị và Điều 4 Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền. Việc ghi nhận những quyền này là rất cần thiết vì đây là những quyền cơ bản của con người đã được quốc tế ghi nhận. Về quyền này, Nhật Bản đã ghi nhận trong hiến pháp từ khá lâu, thậm chí trước khi Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền năm 1948 và Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 ra đời. Việc ghi nhận quyền này cũng thể hiện sự tiên bộ về tư duy lập hiến của các nhà soạn thảo Hiến pháp Nhật Bản. Quyền tự do tư tưởng, đây là một quyền tự do quan trọng của con người đã được luật nhân quyền quốc tế ghi nhận. Cũng giống quyền không bị bắt làm nô lệ, quyền tự do tư tưởng được Hiến pháp Nhật Bản ghi nhận ngay từ khi Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền chưa ra đời. Điều 19 Hiến pháp nước này quy định: “Tự do tư tưởng và lương tâm không bị xâm phạm”. Có thể thấy rằng đây là một điểm tiên bộ nữa về quy định nhân quyền trong Hiến pháp Nhật Bản, vừa đảm bảo được quyền cơ bản của con người, vừa đảm bảo được sự phù hợp với luật nhân quyền quốc tế.

1.2.2. Bảo vệ quyền riêng tư của cá nhân theo pháp luật Hoa kỳ và một số gợi mở cho Việt Nam

Quyền riêng tư là một trong những quyền cơ bản của con người được ghi nhận trong các văn kiện pháp lý quốc tế về quyền con người. Quyền riêng tư là quyền của các cá nhân được phép giữ kín những thông tin, tư liệu, dữ liệu gắn liền với cuộc sống riêng tư của mình, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, về nơi ở, về thư tín, điện thoại, điện tín và các thông tin điện tử khác mà không một chủ thể nào có quyền tiếp cận, công khai trừ trường hợp được chính người này đồng ý hoặc được bằng quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Quyền riêng tư được chính thức ghi nhận lần đầu tiên trong Tuyên ngôn quốc tế về Nhân quyền năm 1948, cụ thể, Điều 12 quy định: “Không ai phải chịu sự can thiệp một cách tùy tiện vào cuộc sống riêng tư, gia đình, nơi ở hoặc thư tín, cũng như bị xúc

phạm danh dự hoặc uy tín cá nhân. Mọi người đều có quyền được pháp luật bảo vệ chống lại sự can thiệp và xâm phạm như vậy”.

Tiếp đó, quyền riêng tư được ghi nhận trong rất nhiều công ước quốc tế như trong Điều 8 Công ước về bảo vệ nhân quyền và những quyền tự do cơ bản năm 1950. Điều 17 Công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị năm 1966 có nêu: “Không ai bị can thiệp một cách tùy tiện hoặc bất hợp pháp vào đời sống riêng tư, gia đình, nhà ở, thư tín, hoặc bị xâm phạm bất hợp pháp đến danh dự và uy tín. Mọi người đều có quyền được pháp luật bảo vệ chống lại những can thiệp hoặc xâm phạm như vậy”. Quy định này nhằm ngăn chặn những hành vi xâm phạm tùy tiện và bất hợp pháp vào đời tư, gia đình, nhà ở, thư tín, danh dự, uy tín của mọi người mà có thể do các quan chức nhà nước hay do các thể nhân và pháp nhân khác gây ra.

Quyền riêng tư cũng được thừa nhận trong các công ước quốc tế khu vực như: Điều 8 Công ước Nhân quyền châu Âu (European Convention on Human Rights) năm 1950 quy định: “Mọi người có quyền được tôn trọng cuộc sống riêng tư, gia đình, nhà cửa” và “sự riêng tư của thư tín” của mình, tùy theo một số hạn chế “phù hợp với pháp luật” và “cần thiết trong một xã hội dân chủ”. Ngoài ra, quy định việc thành lập Ủy ban Nhân quyền châu Âu và Tòa án Nhân quyền châu Âu để giám sát việc thực hiện; Điều 11 Công ước Nhân quyền châu Mỹ cũng đưa ra các quyền riêng tư với nội dung tương tự như bản Tuyên ngôn năm 1948; năm 1965, Tổ chức các nước châu Mỹ ban hành Tuyên bố châu Mỹ về quyền và trách nhiệm của con người, trong đó kêu gọi bảo vệ quyền con người bao gồm bảo vệ quyền riêng tư, theo đó, Điều 12 Tuyên ngôn năm 1948 quy định: “Không ai có thể bị xâm phạm một cách độc đoán vào đời tư, gia đình, nhà ở, thư tín, hay bị xúc phạm đến danh dự hay nhân phẩm. Ai cũng có quyền được luật pháp bảo vệ chống lại những xâm phạm ấy”.

Ngoài ra, ở Hoa Kỳ, các đạo luật bảo vệ quyền riêng tư và bảo mật luôn được sửa đổi cho phù hợp với sự phát triển của xã hội nên hệ thống luật hóa về vấn đề này tương đối toàn diện. Theo đó, liên quan đến quyền riêng tư, Chính phủ liên bang đã thông qua Đạo luật Quyền riêng tư của Hoa Kỳ năm 1974 (đã được sửa đổi năm 2020) để tăng cường bảo vệ quyền riêng tư cá nhân. Đạo luật này thiết lập các quy tắc và quy định liên quan đến việc thu thập, sử dụng và tiết lộ thông tin cá nhân của các cơ quan Chính phủ Hoa Kỳ, cụ thể như: Quyền yêu cầu truy cập và sửa dữ liệu nếu cần quy định, công dân Hoa Kỳ có quyền truy cập dữ liệu cá nhân của họ do các cơ quan Chính phủ lưu giữ và yêu cầu thay đổi nếu họ cho rằng thông tin đó không chính xác; quyền truy cập dữ liệu (bị hạn chế trên cơ sở cá nhân) quy định, các cơ quan Chính phủ cấp cho người dùng quyền truy cập dữ liệu dựa trên vai trò của chính người đó trong công ty; quyền được thông tin về việc sử dụng dữ liệu quy định, các cá nhân phải biết cách các cơ quan sử dụng dữ liệu cá nhân của họ khi thu thập. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng ban hành Đạo luật về trách nhiệm giải trình và cung cấp thông tin y tế của các cá nhân (HIPAA) năm 1996 là luật bảo vệ quyền riêng tư của liên bang nhằm bảo vệ thông tin y tế của các cá nhân. HIPAA áp dụng cho tất cả các thực thể xử lý thông tin sức khỏe được bảo vệ, bao gồm các nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, bệnh viện và công ty bảo hiểm. Khi một công ty chia sẻ với nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe hoặc tổ chức được bảo hiểm, các cá nhân có các quyền sau: Cá nhân, tổ chức được bảo hiểm có thể sử dụng dữ liệu bệnh nhân cho các mục đích cụ thể, chẳng hạn như điều trị và thanh toán. Tuy nhiên, việc ủy quyền rõ ràng cho các hoạt động tiếp thị yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe phải xin phép bệnh nhân sở hữu thông tin cá nhân của họ. Nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe phải cung cấp cho bệnh nhân thông báo về thực hành quyền

riêng tư nêu rõ cách nhà cung cấp sẽ sử dụng và bảo vệ dữ liệu của bệnh nhân. Bệnh nhân có thể yêu cầu hạn chế về cách các nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sử dụng và tiết lộ thông tin cá nhân của họ. Bệnh nhân có quyền cập nhật hồ sơ y tế của mình nếu họ cho rằng thông tin đó không chính xác.

Bên cạnh đó, năm 1999, Chính phủ Hoa Kỳ đã ký Đạo luật Gramm - Leach - Bliley (GLBA) bảo vệ quyền riêng tư của người tiêu dùng và áp dụng cho bất kỳ tổ chức tài chính nào thu thập, sử dụng hoặc tiết lộ thông tin cá nhân. Các tổ chức tài chính phải thực hiện các bước để bảo vệ quyền riêng tư của cá nhân như giải thích các thông lệ chia sẻ thông tin cho khách hàng và cho phép họ từ chối chia sẻ dữ liệu của họ với bên thứ ba. Thực hiện theo các hướng dẫn đã được thiết lập về cách các tổ chức tài chính có thể thu thập, sử dụng và bảo vệ dữ liệu khách hàng. Đạo luật áp dụng cho tất cả các loại dữ liệu người tiêu dùng, bao gồm cả thông tin được thu thập trực tuyến. Xây dựng và triển khai chương trình bảo mật thông tin bằng văn bản để bảo vệ dữ liệu của khách hàng khỏi bị truy cập trái phép.

Liên quan đến trẻ em, nhóm người yếu thế trong xã hội, đối tượng mà quyền riêng tư rất dễ bị xâm phạm và bản thân khó có khả năng tự vệ cũng như bảo vệ mình trước những hành vi xâm phạm, trong các chính sách pháp luật về bảo vệ trẻ em, pháp luật Hoa Kỳ đã có những quy định cụ thể. Năm 1998, Quốc hội đã ban hành Đạo luật bảo vệ quyền riêng tư trực tuyến của trẻ em (sửa đổi năm 2013) (COPPA) nhằm bảo vệ quyền riêng tư trực tuyến của trẻ vị thành niên dưới 13 tuổi. COPPA áp dụng cho bất kỳ trang web hoặc dịch vụ trực tuyến nào thu thập, sử dụng hoặc tiết lộ thông tin cá nhân của trẻ em. Theo COPPA, các trang web và dịch vụ trực tuyến phải thực hiện các bước sau để bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em: Đăng chính sách bảo mật rõ ràng và ngắn gọn giải thích những nhà cung cấp dịch vụ thông tin nào sẽ thu thập từ trẻ em, cách họ sẽ sử dụng thông tin đó và trong những trường hợp nào họ sẽ tiết lộ thông tin đó cho bên thứ ba. Bảo đảm sự đồng ý của cha mẹ trước khi thu thập, sử dụng hoặc tiết lộ dữ liệu cá nhân của trẻ em. Cung cấp cho phụ huynh cơ hội để xem xét và xóa thông tin cá nhân của con họ. Đạo luật được thông qua nhằm đáp ứng nhận thức ngày càng tăng về các kỹ thuật tiếp thị trên internet nhắm mục tiêu đến trẻ em và thu thập thông tin cá nhân của trẻ em từ các trang web mà không có bất kỳ thông báo nào đến phụ huynh. Đạo luật áp dụng cho các trang web thương mại và dịch vụ trực tuyến hướng đến trẻ em. Đạo luật này bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em bằng cách cung cấp cho cha mẹ các công cụ để kiểm soát thông tin từ nguồn nào được thu thập trực tuyến từ con cái họ. Đạo luật yêu cầu Ủy ban ban hành các quy định yêu cầu người điều hành các trang web thương mại và dịch vụ trực tuyến hướng đến trẻ em dưới 13 tuổi hoặc cố ý thu thập thông tin cá nhân từ trẻ em dưới 13 tuổi phải: Thông báo cho cha mẹ về các hoạt động thông tin của họ; Có được sự đồng ý có thể kiểm chứng của cha mẹ đối với việc thu thập, sử dụng hoặc tiết lộ thông tin cá nhân của trẻ em; Để cha mẹ ngăn chặn việc duy trì hoặc sử dụng hoặc thu thập thông tin cá nhân của con họ trong tương lai; Cung cấp cho phụ huynh quyền truy cập vào thông tin cá nhân của con họ; Không yêu cầu trẻ cung cấp nhiều thông tin cá nhân hơn mức cần thiết hợp lý để tham gia vào một hoạt động; Duy trì các thủ tục hợp lý để bảo vệ tính bảo mật, an ninh và tính toàn vẹn của thông tin cá nhân. Để khuyến khích hoạt động tự điều chỉnh của ngành, Đạo luật cũng bao gồm điều khoản được xem là “neo an toàn” (safe harbors) cho phép các nhóm ngành và những người khác yêu cầu Ủy ban phê duyệt các hướng dẫn tự điều chỉnh để quản lý việc tuân thủ Quy tắc của các trang web tham gia.

Như vậy, quyền riêng tư đã được công nhận trong pháp luật của nhiều châu lục trên thế giới, đặc biệt ở châu Âu và Hoa Kỳ thì quyền này đã được bảo vệ ngày càng

toàn diện hơn bởi hệ thống luật với mục đích nhằm bảo vệ và chống lại những hành vi xâm phạm đến đời sống riêng tư của cá nhân.

1.2.3. Một số gợi mở cho việc hoàn thiện pháp luật về quyền con người ở Việt Nam

Qua nghiên cứu một số vấn đề liên quan đến quyền con người của pháp luật châu Âu và Hoa Kỳ, chúng ta có thể đưa ra một số gợi mở mang tính tham khảo cho việc hoàn thiện quy định của pháp luật về quyền con người ở Việt Nam như sau:

Thứ nhất, xây dựng đạo luật riêng về quyền riêng tư. Hiện nay, các quy định về bảo vệ quyền riêng tư của nước ta đã tồn tại và được thể chế trong rất nhiều những văn bản luật khác nhau. Mặc dù, đã có nhiều quy định nhằm bảo vệ quyền riêng tư của cá nhân nhưng với sự phát triển ngày càng nhanh và “phủ sóng” khắp thế giới của khoa học - công nghệ, thông tin của cá nhân khi đã bị lộ có thể được phát tán nhanh chóng và rộng rãi, dẫn đến quyền riêng tư của cá nhân ngày càng bị xâm phạm nghiêm trọng; những quy định rải rác trong nhiều văn bản luật khác nhau dẫn đến khó tiếp cận để bảo vệ kịp thời chủ thể bị xâm phạm. Hơn nữa, quy định của pháp luật về quyền riêng tư còn mang nặng tính nguyên tắc, khái quát, mang tính hình thức. Vì vậy, cần có đạo luật cụ thể quy định chung về quyền riêng tư nhằm áp dụng một cách thống nhất và hiệu quả cũng như bảo vệ tốt hơn đối với chủ thể bị xâm phạm liên quan đến nhiều vấn đề như bảo mật dữ liệu cá nhân, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình.

Thứ hai, cần xây dựng đạo luật về bảo vệ quyền riêng tư trực tuyến đối với trẻ em trên không gian mạng. Theo đó, cần có những quy định cụ thể bảo vệ trẻ em khi tham gia các mạng xã hội một cách an toàn và xây dựng những điều khoản ràng buộc cũng như hướng xử lý nếu vi phạm đối với các trang web và dịch vụ trực tuyến khi thu thập, sử dụng hoặc tiết lộ thông tin cá nhân của trẻ em ở Việt Nam.

Thứ ba, cần quy định các biện pháp chế tài cụ thể áp dụng mạnh mẽ hơn đối với chủ thể xâm phạm quyền riêng tư của cá nhân. Hiện nay, phần lớn các đạo luật chỉ dừng lại ở việc ghi nhận quyền nhưng còn thiếu sót việc quy định những biện pháp cưỡng chế. Việc quy định rõ hơn những biện pháp phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại đối với những trường hợp vi phạm sẽ là “vũ khí” tự vệ và là cơ sở để chủ thể bị vi phạm có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bảo vệ quyền riêng tư của mình một cách thiết thực, hiệu quả.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Trong Chương 1, Khóa luận khái quát những lý luận cơ bản về quyền con người, bảo vệ quyền con người, pháp luật về bảo vệ quyền con người và vai trò của pháp luật. Quyền con người là một khái niệm xuất hiện từ rất sớm, được hiểu là những quyền tự nhiên, vốn có của con người, bao gồm: quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Với bản chất là một phạm trù đa diện, cần phải nhìn nhận và nghiên cứu quyền con người theo nhiều góc độ khác nhau, bao gồm: đạo đức - tôn giáo, lịch sử - xã hội, chính trị, pháp lý, qua đó mới có thể hiểu và có một cái nhìn bao quát về quyền con người. Cũng bởi vì bản chất đa diện của mình, quyền con người xuất hiện ở mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, được chia làm hai nhóm quyền cơ bản: quyền dân sự, chính trị và quyền kinh tế, xã hội, văn hóa. Pháp luật với những đặc điểm nổi bật riêng có là công cụ hữu hiệu nhất, giữ một vai trò vô cùng quan trọng trong công cuộc điều hành và quản lý đất nước nói chung và trong việc bảo vệ quyền con người nói riêng. Vai trò của pháp luật trong việc bảo đảm, bảo vệ quyền con người được thể hiện ở nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

2.1. Thực trạng pháp luật về quyền con người ở Việt Nam

Trong quá trình tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp cận và tiếp thu những giá trị tinh hoa của nhân loại... Trong bản Tuyên ngôn độc lập ngày 2/9/1945 khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa, phát triển tư tưởng quyền “tự nhiên” của mỗi cá nhân thành quyền đương nhiên của mọi dân tộc để khẳng định rằng, quyền con người luôn gắn liền với quyền tự do và độc lập của dân tộc. Cùng với công cuộc đổi mới đất nước, Việt Nam đã nỗ lực mạnh mẽ trong việc thực hiện các cam kết và hợp tác quốc tế, hoàn thiện pháp luật, cơ chế bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

Việt Nam đã tham gia 7/9 Công ước quốc tế cơ bản, cốt lõi về quyền con người của Liên hợp quốc (LHQ), 25 Công ước về lao động của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), trong đó có 7/8 Công ước cơ bản... Nội dung của các công ước đã được nội luật hoá kịp thời trong Hiến pháp và pháp luật Việt Nam, tạo cơ sở pháp lý tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người theo hướng ngày càng hoàn thiện hơn.

“Việt Nam cũng đã chủ động nộp báo cáo rà soát định kỳ phổ quát lần 1, 2, 3 và các báo cáo quốc gia về tình hình thực thi nghĩa vụ đối với các công ước về quyền con người mà Việt Nam là thành viên... Gần đây nhất, vào ngày 29-30/11/2023, Việt Nam đã có phiên đối thoại quốc gia với Ủy ban Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc. Việt Nam luôn chủ trương coi trọng việc đối thoại, hợp tác với các nước, đối tác trong bảo vệ và thúc đẩy quyền con người”- GS.TS Lê Văn Lợi cho biết.

Trong thời gian qua, Việt Nam đã không ngừng hoàn thiện thể chế pháp luật về quyền con người, đã từng bước nội luật hoá các chuẩn mực quốc tế về quyền con người vào Hiến pháp, pháp luật Việt Nam. Cùng với đó, Việt Nam đã nỗ lực tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức về quyền con người. Đường lối, chủ trương, quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta là bảo vệ, bảo đảm, thúc đẩy quyền con người, đồng thời tăng cường giáo dục để nâng cao nhận thức của cán bộ lãnh đạo, quản lý, các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ về quyền con người. Bản Hiến pháp năm 2013 được Quốc hội Khóa XIII thông qua là kết quả của gần 30 năm đổi mới, được xem là đỉnh cao trong lịch sử lập hiến bảo vệ quyền con người. Với 120 điều, Hiến pháp đã dành 36 điều quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân. Bên cạnh hệ thống pháp luật, các cơ quan trong bộ máy nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy và bảo vệ quyền con người. Lần đầu tiên vai trò, trách nhiệm của Nhà nước được quy định cụ thể tại Điều 3 và Điều 14 của Hiến pháp năm 2013, đó là Nhà nước đã thừa nhận trách nhiệm/nghĩa vụ của mình là “công nhận, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân”. Từ quy định này, Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII đã xác định rất rõ vai trò của các cơ quan trong bộ máy nhà nước. Đối với Quốc hội, “tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng quy trình lập pháp, tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp...”.

Với những nỗ lực chung trong thúc đẩy, bảo vệ quyền con người trong phạm vi quốc gia và khu vực, các nước thành viên ASEAN chính thức đề cử Việt Nam là ứng cử viên duy nhất đại diện cho ASEAN làm thành viên Hội đồng Nhân quyền LHQ, nhiệm

kỳ 2023-2025. Là thành viên của Hội đồng Nhân quyền, Việt Nam đã có nhiều sáng kiến cùng với Bangladesh, Phillipin xây dựng thành công Nghị quyết của Hội đồng Nhân quyền về quyền con người và biến đổi khí hậu; Nghị quyết về tổ chức kỷ niệm 75 năm Tuyên ngôn phổ quát về quyền con người và 30 năm Tuyên bố và Chương trình hành động Viên; sáng kiến về quyền con người và tiêm chủng; tích cực bảo vệ quyền lợi của các nước đang phát triển; quyền của các nhóm yếu thế... được các nước đánh giá cao.

2.2. Thực trạng thực thi pháp luật về quyền dân sự và chính trị trong pháp luật Việt Nam

Quyền con người là một trong những vấn đề cơ bản và quan trọng hiện đang nhận được nhiều sự quan tâm, chú ý từ Đảng và Nhà nước ta. Trong giai đoạn 2019 - 2023, Việt Nam đã thông qua 56 Luật, Nghị quyết có liên quan tới quyền con người: Bộ luật Lao động năm 2019, Luật Thanh niên năm 2020, Luật Giáo dục 2019, ... qua đó góp phần cụ thể hóa các điều ước quốc tế và các quy định chung của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người.

Quyền con người được ghi nhận trong văn bản pháp luật có hiệu lực tối cao của Nhà nước, đó là Hiến pháp và trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Về tổng thể, các vấn đề về nội dung quyền của nhân dân trong Hiến pháp năm 2013 đã được đề cao hơn rất nhiều so với các bản Hiến pháp trước. Ở phần lời nói đầu của văn bản đã khẳng định nhân dân là chủ thể, là mục tiêu bảo vệ được hướng đến trong quá trình xây dựng, thi hành Hiến pháp. Về sự thay đổi trong vị trí của quyền con người ở Hiến pháp 2013, Quyền con người đã được đưa lên Chương 2, chỉ đứng sau Chương 1 quy định về chế độ chính trị trong Hiến pháp năm 2013. Điều này cho thấy rằng quyền con người đã chứng minh được sự quan trọng sự cần thiết của mình cũng như đã nhận được thêm nhiều sự quan tâm, chú ý của Đảng và Nhà nước. Việt Nam luôn nhất quán quan điểm: *“Bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện”*. Việc nâng cao chất lượng thụ hưởng các quyền con người nói chung, quyền dân sự chính trị (QDSCT) nói riêng là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và của toàn xã hội, thể hiện bản chất của Nhà nước ta; Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Suốt những năm qua, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn coi con người vừa là mục tiêu, động lực của sự nghiệp phát triển đất nước, vừa là trung tâm của các chính sách kinh tế – xã hội. Mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều phấn đấu phục vụ cho con người, tất cả vì con người.

Để tránh tiềm ẩn nguy cơ quyền con người nói chung và QDSCT nói riêng có thể bị thu hẹp, hạn chế bởi các văn bản dưới luật như: nghị định, thông tư..., tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 quy định: *“Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”*. Như vậy, việc hạn chế quyền con người, quyền công dân chỉ thuộc về Quốc hội – cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, không thuộc về bất kỳ một chủ thể nào khác và chỉ trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng mới được giới hạn. Cùng với việc tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, tinh gọn bộ máy, để bảo đảm các QDSCT ở nước ta, hàng loạt các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành. Đối với quyền tiếp cận thông tin, tự do ngôn luận, báo chí, hiện nay, về cơ bản pháp luật trong nước đã tương

thích với pháp luật quốc tế, đầy đủ và đồng bộ, từ Hiến pháp, luật đến nghị định, tiêu biểu như: Luật Báo chí năm 2016, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, Luật An ninh mạng năm 2018... Có thể khẳng định rằng, quyền tiếp cận thông tin không chỉ được bảo đảm đầy đủ cho người dân Việt Nam mà cả đối với người nước ngoài sinh sống, làm việc tại Việt Nam.

2.2.1. Pháp luật về quyền con người trong lĩnh vực chính trị

Quyền được xét xử công bằng là quyền con người cơ bản, tồn tại trong cả vụ án hình sự, dân sự và các vụ án hành chính. Có thể hiểu quyền được xét xử công bằng là quyền được xét xử không thiên vị, theo đúng lẽ phải và được xét xử một cách độc lập, công bằng, công khai bởi người có thẩm quyền. Ngoài ra, việc xét xử một cách phân biệt đối xử, kỳ thị, thiếu khách quan của người tiến hành tố tụng cũng bị coi là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền được xét xử công bằng của con người. Quyền được xét xử công bằng được ghi nhận trong các văn kiện pháp lý quốc tế và ở Việt Nam hiện nay đang được quy định tại Hiến pháp 2013 cùng với các văn bản pháp luật khác.

Tại Hiến pháp 2013, quy định: *“Người bị buộc tội phải được Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, công bằng, công khai. Trường hợp xét xử kín theo quy định của luật thì việc tuyên án phải được công khai.”* (Khoản 2 Điều 31), *“Không ai bị kết án hai lần vì một tội phạm”* (Khoản 3 Điều 31), *“Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa”* (Khoản 4 Điều 31) và được cụ thể hóa tại các bộ luật và luật chuyên ngành, nhìn chung cả ba lĩnh vực tố tụng hình sự, dân sự và hành chính đều có quy định rằng mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và không phân biệt dân tộc, giới tính, tín ngưỡng tôn giáo, thành phần xã hội, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, địa vị xã hội. Cụ thể, quy định này được thể hiện ở Điều 9 BLTTHS năm 2015 quy định: *“Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, bảo đảm công bằng...”* (Điều 25); Điều 8 BLTTDS năm 2015 và Điều 17 BLTTHC năm 2015. Ngoài ra, còn được thể hiện tại các văn bản luật như: Điều 11 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 2014. Mặc dù không được quy định trực tiếp nhưng nội dung của quyền được xét xử công bằng được thể hiện trong nhiều nguyên tắc cơ bản và các quy định về trình tự, thủ tục tố tụng xét xử vụ án hình sự, vụ việc dân sự và vụ án hành chính. Nhìn chung nội dung chính của quyền này trong các lĩnh vực đều bao gồm các quyền sau: Quyền được tự bào chữa hoặc nhờ luật sư hay người khác bào chữa; quyền không bị xét xử hai lần về cùng một tội phạm; quyền được Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, công bằng, công khai; quyền được bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự trong trường hợp bị xét xử trái pháp luật.

Đối với các quyền bầu cử, ứng cử, tham gia quản lý Nhà nước và xã hội luôn được phát huy. Quyền bầu cử, ứng cử, quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội của người dân được quy định rõ tại Điều 27, 28, 29 Hiến pháp năm 2013. Ngoài ra, các quyền trên còn được quy định tại nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác như: Luật Tiếp cận dân năm 2013, Luật Khiếu nại năm 2011, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015, Luật Tổ chức năm 2018 và các văn bản khác có liên quan. Đảng, Nhà nước Việt Nam luôn tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thi hành kịp thời, đầy đủ, nhất quán và nghiêm minh pháp luật về đảm bảo các quyền dân sự và chính trị của người dân. Tiêu biểu như: quyền bầu cử và ứng cử của công dân được quy định cụ thể, được bảo đảm thực thi nghiêm minh, không phân biệt dân tộc, giới tính, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử vào Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp. Kết quả cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII, XIV, XV và đại biểu Hội đồng nhân dân

các cấp nhiệm kỳ 2011 – 2016, 2016 – 2021, 2021-2026 là một minh chứng. Theo thống kê của các cơ quan chức năng, tỷ lệ cử tri đi bầu cử năm 2011 là 99,51%, năm 2016 98,77% và năm 2021 đạt 99,16%. Các địa phương đều có tỷ lệ đạt từ 97% trở lên; địa phương có tỷ lệ cử tri bỏ phiếu cao nhất là các tỉnh: Lào Cai, Lạng Sơn, Trà Vinh đạt tỷ lệ 99,98%. Điều này cũng phản ánh những cố gắng, nỗ lực của các cơ quan chức năng trong việc tạo mọi điều kiện để công dân có thể thực hiện được quyền của mình.

2.2.2. Pháp luật về quyền con người trong lĩnh vực dân sự

Điều 19 Hiến pháp 2013 có quy định về quyền sống như sau: *“Mọi người có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật.”* Đây là một trong những quyền cơ bản nhất của quyền con người nói chung và Việt Nam đã ban hành nhiều quy định nhằm cụ thể hóa quyền này, ví dụ: Luật phòng chống bệnh truyền nhiễm 2007, Luật phòng chống khủng bố năm 2013, Luật Phòng chống bạo lực gia đình 2022,... cùng một số nghị định, thông tư hướng dẫn khác. Ngoài ra, quyền sống của con người còn được thể hiện trong các Điều 367 BTTTHS năm 2015, Điều 77 đến Điều 83 Luật Thi hành án hình sự 2019 trong quy định về hình phạt tử hình. Hiện tại, Việt Nam vẫn tiếp tục thi hành hình phạt tử hình áp dụng cho các trường hợp tội đặc biệt nghiêm trọng trong nhóm tội xâm phạm tính mạng con người, ma túy, an ninh quốc gia và một số tội đặc biệt nghiêm trọng khác. Do đây là một hình thức xử phạt liên quan tới quyền sống của con người nên được quy định rất chặt chẽ và phải tuân theo trình tự, thủ tục đã được pháp luật quy định. Ngoài ra, để thể hiện tinh thần nhân đạo, Nhà nước Việt Nam còn thi hành chính sách giảm áp dụng hình phạt tử hình bằng cách cho phép người bị kết án gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước, giảm dần các tội có quy định hình phạt tử hình, quy định một số trường hợp không được thi hành án tử. Qua đó, đã thể hiện được tinh thần nhân đạo cũng như tôn trọng trong quyền sống của con người của nhà nước ta.

Các quyền tự do ngôn luận, báo chí, tiếp cận thông tin ở nước ta luôn được bảo đảm và trở thành một trong những biện pháp hữu hiệu, tích cực nhằm đẩy lùi nạn quan liêu, tham nhũng, các biểu hiện tiêu cực khác trong xã hội. Theo số liệu của Bộ Thông tin và Truyền thông, hiện nay, Việt Nam có 816 cơ quan báo chí (in và điện tử); có 72 cơ quan có giấy phép hoạt động phát thanh-truyền hình với 2 đài quốc gia, 64 đài địa phương, 5 kênh truyền hình. Cả nước hiện có trên 40.000 người đang công tác tại các cơ quan báo chí, trong đó có 17.161 người được cấp thẻ nhà báo. Và mọi người dân đều có quyền đề đạt nguyện vọng, phát biểu và đóng góp ý kiến trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, trong đó có báo chí. Việt Nam cũng được đánh giá là một trong những quốc gia có tốc độ phát triển Internet nhanh nhất thế giới. Theo báo cáo EGDI của Liên Hợp Quốc, về chỉ số phát triển chính phủ điện tử, Việt Nam có điểm số cao hơn mức trung bình của châu Á và thế giới.

Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo cũng là một trong những quyền con người cơ bản nhất. Hiến pháp 2013 đã quy định tại Điều 24 rằng: *“Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật.”* Đây là một quy định hoàn toàn phù hợp với pháp luật quốc tế cũng như tình hình phát triển thực tế tại Việt Nam, nước ta là một đất nước có truyền thống văn hóa lâu đời, một quốc gia đa văn hóa, đa tôn giáo, vì vậy việc tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là vô cùng quan trọng. Trong những năm gần đây, Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản pháp luật quy định cụ thể về quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, nổi bật trong đó là quy định chung được quy định trong Hiến pháp năm 2013, quy định cụ thể trong văn bản

Luật riêng: Luật Tín ngưỡng tôn giáo 2016 và các nghị định hướng dẫn khác như: Nghị định 162/2017/NĐ-CP. Theo đó, mỗi người đều có quyền bày tỏ niềm tin tín ngưỡng tôn giáo, có quyền vào tu và theo học tại cơ sở tôn giáo, các tổ chức tôn giáo được phép thành lập trường đào tạo, mở lớp bồi dưỡng. Nhờ có các quy định pháp luật cụ thể quy định về tín ngưỡng, tôn giáo mà đã tạo ra được môi trường bình đẳng, bảo đảm được sự đa dạng tôn giáo, vì vậy mà tốc độ phát triển của các tổ chức tôn giáo phát triển vô cùng mạnh mẽ, tính trong giai đoạn 2003-2023, nước ta tăng thêm 28 tổ chức, 10 tôn giáo và khoảng 10 triệu tín đồ mới. Đảng, Nhà nước ta nhất quán tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân; mọi công dân có quyền theo hoặc không theo tín ngưỡng, tôn giáo nào. Hiện nay, Nhà nước đã công nhận và cấp đăng ký hoạt động cho 43 tổ chức thuộc 16 tôn giáo, với trên 26,7 triệu tín đồ, chiếm 27% dân số, hơn 55 nghìn chức sắc, 135 nghìn chức việc, gần 30 nghìn cơ sở thờ tự. Các tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam đều hòa hợp và bình đẳng, Nhà nước không phân biệt đối xử, tạo điều kiện tốt nhất cho các tổ chức tôn giáo hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật. Đặc biệt, Đảng, Nhà nước ta luôn tôn trọng, phát huy vai trò của các tổ chức tôn giáo tích cực tham gia vào đời sống chính trị xã hội, xây dựng đất nước. Quốc hội khóa XV có 05 vị chức sắc là đại biểu và hàng chục nghìn chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo trúng cử đại biểu hội đồng nhân dân cấp tỉnh, huyện, xã nhiệm kỳ 2021 - 2026 và là thành viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các hội, đoàn thể chính trị xã hội các cấp. Về vấn đề dân tộc, Việt Nam không chỉ bảo đảm các quyền bình đẳng cho người dân, mà còn có chính sách ưu tiên đặc biệt để các dân tộc phát triển; luôn quan tâm giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa; tạo điều kiện để họ tham gia hệ thống chính trị, quản lý xã hội, quản lý nhà nước, ứng cử vào Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp. Quốc hội khóa XV có 89/499 đại biểu là người dân tộc thiểu số, chiếm 17,8%, nhiều nhất từ trước đến nay.

Đối với quyền tự do đi lại và tự do cư trú của công dân, Nhà nước tạo mọi điều kiện và bảo đảm quyền tự do đi lại và tự do cư trú của công dân. Tại Điều 23 *Hiến pháp* năm 2013 đã khẳng định: *“Công dân có quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định”*.

Quyền khiếu nại, tố cáo tại Hiến pháp 2013 đã được mở rộng hơn so với Hiến pháp 1992, nếu như tại Điều 74 Hiến pháp năm 1992 chỉ có công dân Việt Nam mới có quyền khiếu nại, tố cáo và chỉ có cơ quan Nhà nước có quyền nhận khiếu nại, tố cáo thì tới Khoản 1 Điều 30 Hiến pháp 2013 quy định: *“Mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân.”* Quy định này có phạm vi khá là rộng bởi chủ thể có quyền khiếu nại, tố cáo tới cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền là tất cả mọi người, không phân biệt là công dân Việt Nam hay công dân nước ngoài, và hành vi trái pháp luật đó đe dọa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại cho bất cứ chủ thể nào thì mọi người cũng đều có quyền khiếu nại, tố cáo. Nghĩa là cho dù bản thân mình không bị ảnh hưởng bởi việc làm trái pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nhưng mình biết về việc đó thì vẫn có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết. Như vậy, quyền tố cáo, khiếu nại đã mở rộng ở cả hai chủ thể, cả chủ thể thực hiện quyền lẫn chủ thể nhận khiếu nại, tố cáo. Ngoài các quy định chung trong Hiến pháp 2013, quyền khiếu nại, tố cáo còn có các văn bản pháp luật quy định cụ thể: Luật khiếu nại 2011, Luật Tố cáo 2018 cùng các nghị định, thông tư hướng dẫn thực hiện các văn bản trên. Các văn bản này đã quy định cụ thể thể nào là khiếu nại, tố cáo, các hình thức tố cáo, khiếu nại cũng như trình tự thủ tục thực hiện và các biện pháp bảo vệ người khiếu nại, tố cáo được

áp dụng trên thực tế. Qua đó đã tăng cường được tính công khai, minh bạch, góp phần tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người khiếu nại, tố cáo.

Một trong số những quyền con người mới được quy định trong Hiến pháp năm 2013 là quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác, đây là quy định tại Khoản 3 Điều 20 Hiến pháp năm 2013. Tương tự như đối với quyền khiếu nại, tố cáo, chủ thể của quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác đã được mở rộng sang “mọi người” mà không chỉ riêng công dân Việt Nam mới có quyền hiến. Quyền này cũng đã được quy định cụ thể tại Luật hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác năm 2006 và BLDS năm 2015, cụ thể tại Điều 35 BLDS 2015 quy định như sau: *“Cá nhân có quyền hiến mô, bộ phận cơ thể của mình khi còn sống hoặc hiến mô, bộ phận cơ thể, hiến xác của mình sau khi chết vì mục đích chữa bệnh cho người khác hoặc nghiên cứu y học, được học và các nghiên cứu khoa học khác”*. Việc mở rộng hơn về chủ thể của quyền hiến mô, bộ phận cơ thể là một sự thay đổi khá hợp lý với tình hình thực tiễn của thế giới cũng như của Việt Nam khi mà mong muốn được hiến mô, tạng và bộ phận cơ thể người ngày càng nhiều, tính tới thời điểm 31/12/2022, nước ta đã có hơn 63 nghìn ca đăng ký hiến mô, tạng và bộ phận cơ thể người sau khi chết, chết não.

Quyền con người trong lĩnh vực dân sự theo quy định của pháp luật Việt Nam còn bao gồm các quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, quyền bí mật thư tín, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, các quyền này đều được quy định trong Hiến pháp năm 2013, một số văn bản pháp luật chuyên ngành: BLDS 2015, BLHS 2015,... cùng các văn bản dưới luật khác.

Các quyền cơ bản của người dân theo Công ước ICCPR: quyền được đối xử bình đẳng trước tòa án và các cơ quan tài phán khác; quyền an ninh cá nhân và bất khả xâm phạm thân thể; quyền tự do đi lại và cư trú trong phạm vi lãnh thổ quốc gia; quyền được xuất cảnh khỏi bất cứ quốc gia nào, kể cả nước mình, và được quay trở lại nước mình; quyền có quốc tịch; quyền kết hôn, lập gia đình và bình đẳng trong hôn nhân; quyền thừa kế; quyền tự do hội họp và lập hội; quyền có việc làm; quyền về nhà ở; quyền được giáo dục và đào tạo; quyền được tham gia bình đẳng vào các hoạt động văn hóa; quyền được tiếp cận với bất kỳ địa điểm và dịch vụ công cộng,... đều được Việt Nam quan tâm bảo đảm toàn diện. Ngày 22/3/2023, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt nội dung, cho phép nộp Báo cáo thực thi ICCPR lần thứ 4 tại Việt Nam và đã được đăng tải trên website của Ủy ban Nhân quyền Liên hợp quốc. Việc này thể hiện sự cam kết thực hiện của một quốc gia thành viên có trách nhiệm, phản ánh khách quan, minh bạch sự phát triển và nỗ lực không ngừng của Việt Nam trong việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm và thúc đẩy các quyền dân sự và chính trị của người dân. Những thành tựu đó đã góp phần nâng cao uy tín của Việt Nam trên t quốc tế; củng cố niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa; là động lực quan trọng để phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng nước Việt Nam ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. Đó là những minh chứng sinh động, bác bỏ mọi luận điệu xuyên tạc, phủ nhận của các thế lực chống phá.

2.3. Thực trạng thực thi pháp luật về quyền kinh tế, xã hội và văn hóa trong pháp luật Việt Nam

Những năm qua, Đảng và Nhà nước ta luôn coi con người vừa là mục tiêu, động lực của quá trình phát triển đất nước, vừa là trung tâm của các chính sách kinh tế - xã hội. Mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều phấn đấu phục vụ cho con người, tất cả vì con người. Điều 3 Hiến pháp 2013 quy định: “Nhà

nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện”. Việc nâng cao chất lượng thụ hưởng các QCN nói chung, quyền KTXHVVH nói riêng là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và của toàn xã hội, thể hiện bản chất tốt đẹp của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

2.3.1. Pháp luật về quyền con người trong lĩnh vực kinh tế

Trên cơ sở Hiến pháp năm 2013, cùng với việc tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, tinh gọn bộ máy, để đảm bảo các quyền KTXHVVH ở nước ta, hàng loạt các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành, cụ thể: *Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017, Luật Bảo vệ môi trường 2014, Luật đầu tư 2018, Bộ luật dân sự 2015, Luật Phòng, chống tham nhũng 2018...* và các văn bản như: *Nghị định số 06/2011/NĐ-CP* ngày 14/01/2011 hướng dẫn thi hành Luật người cao tuổi; *Nghị định số 28/2012/NĐ-CP* ngày 10/04/2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật; *Nghị định số 59/2019/NĐ-CP* ngày 01/07/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng... Điều này đã đem lại nhiều kết quả tích cực, góp phần quan trọng giúp Nhà nước có điều kiện hơn để đầu tư, quan tâm đến các mục tiêu ưu tiên như: giáo dục, y tế, xóa đói, giảm nghèo, hỗ trợ các vùng kinh tế còn khó khăn... Nền kinh tế nước ta là nền kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa, vì vậy hệ thống các quy định pháp luật trong lĩnh vực kinh tế phải đảm bảo vừa thỏa mãn các yêu cầu về thúc đẩy phát triển kinh tế, vừa đảm bảo được quyền con người nhưng phải phát triển đúng với định hướng nền kinh tế của Đảng và Nhà nước. Nhờ có sự nỗ lực mạnh mẽ để hoàn thiện hệ thống pháp luật, ban hành các chính sách, quyết định điều chỉnh kinh tế tiến bộ và phù hợp với các chuẩn mực quốc tế mà nền kinh tế Việt Nam đã có những phát triển vượt bậc, giúp nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, xã hội ngày càng tiến bộ và phát triển hơn. Điển hình là trong thời kỳ dịch bệnh Covid – 19 phát triển và hoành hành trên thế giới, nền kinh tế Việt Nam vẫn là một trong các quốc gia có tình hình kinh tế tăng trưởng thuộc nhóm cao nhất thế giới năm 2020 với mức tăng trưởng là 2,91%. Để đạt được kết quả trên, là nhờ có những chỉ đạo đúng đắn trong việc điều hành khôi phục kinh tế, phòng chống dịch bệnh và sự quyết tâm, đoàn kết giữa Nhà nước và người dân. Vượt qua được những khó khăn do đại dịch Covid-19 mang lại, nền kinh tế Việt Nam lại phải đối mặt với vô số những khó khăn, thách thức do những biến động của tình hình kinh tế, xã hội thế giới. Có thể kể tới một vài những thách thức do chiến sự Nga – Ukraine kéo dài, tình hình lạm phát thế giới vẫn ở mức cao hay việc nhiều quốc gia đang theo đuổi chính sách tiền tệ thắt chặt. Tình hình kinh tế nước ta trong 6 tháng đầu năm 2023 vẫn đang ở mức phát triển ổn định và có dấu hiệu tăng nhẹ. Theo thông cáo báo chí về tình hình kinh tế - xã hội quý II và 6 tháng đầu năm 2023 của Tổng cục thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm nước ta của nước ta 3,72%, nhìn chung tình hình kinh tế nước ta hiện nay vẫn đang trên đà phát triển ổn định, đạt được những thành tựu nhất định và kiểm soát được lạm phát. Trong năm 2023 vừa qua, tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 3423,5 nghìn tỷ đồng, tăng 6,2% so với năm trước, trong đó khu vực Nhà nước tăng 14,6%, khu vực ngoài Nhà nước tăng 2,7%, khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 5,4%. Mức tăng chung 6,2% thấp hơn nhiều so với mức tăng chung 11,3% của năm 2022, đã phản ánh rõ tình hình tăng trưởng kinh tế trong nước có xu hướng tăng chậm lại do tác động tiêu cực của nhiều yếu tố như lạm phát trên thế giới có dấu hiệu chững lại nhưng vẫn ở mức

cao, xung đột địa chính trị, chính sách thắt chặt tiền tệ của các quốc gia tác động mạnh hơn đến doanh nghiệp và hoạt động thương mại đầu tư, đơn hàng xuất khẩu sụt giảm mạnh trong một số ngành, doanh nghiệp và người dân có xu hướng thu hẹp sản xuất kinh doanh, tín dụng của nền kinh tế từ đầu năm tăng chậm phản ánh rõ nét khả năng hấp thụ vốn chậm lại, từ đó giảm động lực đầu tư mới và xu hướng thu hẹp đầu tư sản xuất kinh doanh trong thời gian tới. Tuy nhiên, mức tăng vốn đầu tư của năm 2023 đạt 6,2% có sự cải thiện hơn so với mức tăng 5,8% của 9 tháng năm, cho thấy trong quý IV/2023, tình hình sản xuất kinh doanh đã có sự khởi sắc hơn so với các quý trước. Việc đẩy mạnh thực hiện và giải ngân nguồn vốn đầu tư công cả năm 2023 tăng 21,2% so với năm trước cho thấy sự quyết tâm của Chính phủ, các bộ ngành địa phương trong việc nỗ lực đẩy mạnh thực hiện nguồn vốn đầu tư công nhằm tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Điều 33 Hiến pháp năm 2013 có quy định: “ Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm nghĩa là tất cả người dân sinh sống trên đất nước Việt Nam không phân biệt là công dân hay phải là công dân Việt Nam đều được tự do thực hiện các hoạt động kinh doanh nếu pháp luật không cấm quy định này đã mở rộng hơn so với quy định hiến pháp 1992 theo đó chỉ có công dân mới có quyền kinh doanh theo quy định của pháp luật như vậy hiến pháp năm 2013 Đã mở rộng chủ thể được thực hiện hành vi kinh doanh từ công dân sau mọi người và phạm vi kinh doanh cũng được mở rộng hơn chỉ cần là lĩnh vực pháp luật không cấm thì mọi người đều có thể thực hiện hoạt động kinh doanh việc mở rộng như vậy đều khuyến khích mọi người thực hiện kinh doanh và sản sinh ra nhiều Loại hình dịch vụ kinh doanh mới mẻ và tiến bộ theo kịp sự phát triển của thế giới và góp phần làm nên kinh tế Việt Nam trở nên năng động hơn chỉ tính riêng trong tháng 10 năm 2023 nước ta đã có hơn 13.000 doanh nghiệp mới thành lập đây là một con số khá ấn tượng ba. Ba. Ngoài quy định chung tại Hiến pháp 2013, quyền tự do kinh doanh còn được quy định cụ thể trong các văn bản luật và dưới luật có liên quan: Bộ luật Lao động năm 2019, Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Đầu tư 2014, Bộ luật Dân sự 2015. Từ đó, cho thấy Nhà nước ta luôn ưu đãi, khuyến khích và tạo mọi điều kiện cho mọi người thực hiện quyền tự do kinh doanh. Thời gian qua, số lượng doanh nghiệp đã không ngừng tăng lên. Số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới năm 2023 (159.294 doanh nghiệp, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm 2022) lần đầu tiên chạm mức kỷ lục, gần 160 nghìn doanh nghiệp. Con số này thực sự ấn tượng khi gấp 1,2 lần mức bình quân giai đoạn 2012 - 2022 và tăng 4,6% so với ước thực hiện cả năm 2023. Tổng số vốn đăng ký mới của doanh nghiệp gia nhập thị trường có sự cải thiện qua các Quý của năm 2023: Quý I đạt 310.331 tỷ đồng; 397.126 tỷ đồng; Quý II 379.319 tỷ đồng trong Quý III và Quý IV đã tăng lên mức 434.483 tỷ đồng. Tổng số lao động đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2023 là 1.052.575 lao động, tăng 7,3% so với cùng kỳ năm 2022. Bên cạnh đó, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong năm 2023 đạt 58.412 doanh nghiệp, qua đó, góp phần đưa số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường tiếp tục ở mức trên 200 nghìn doanh nghiệp (217.706 doanh nghiệp), tăng 4,5% so với cùng kỳ năm 2022 và gấp 1,3 lần số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường trong năm qua.

Sở hữu tư nhân là một hình thức sở hữu, trong đó cá nhân có quyền sở hữu đối với tài sản hợp pháp của mình và sở hữu tư nhân được hình thành từ khi con người biết chăn nuôi và sản xuất lương thực, thực phẩm cũng như của cải và chính sở hữu tư nhân là nguyên nhân tạo ra sự trao đổi trong nền sản xuất xã hội. Ngoài ra, sự vận động của nó cũng làm thay đổi cơ cấu xã hội - giai cấp và có tác động trong hình thành các hình thái

nhà nước. Sở hữu tư nhân được ghi tại điều 32 hiến pháp 2013, tại đây, Nhà nước quy định rằng: “ Mọi người có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, phần vốn góp trong doanh nghiệp hoặc trong tổ chức kinh tế khác.” và “ quyền sở hữu tư nhân và quyền thừa kế được pháp luật bảo hộ.” trong hiến pháp năm 2013, chủ thể của quyền sở hữu tư nhân đã được mở rộng hơn so với hiến pháp năm 1992, từ công dân sao mọi người, như vậy nghĩa là không chỉ có công dân Việt Nam mà tất cả mọi người đang sinh sống học tập và làm việc tại đất nước Việt Nam đều có quyền sở hữu đối với tài sản hợp pháp của họ và sẽ được pháp luật bảo vệ quyền đó. Việc thay đổi về chung thể này là hợp lý bởi hiện nay đang làm quá trình hội nhập thế giới và phát triển, ngày càng có nhiều người nước ngoài tới Việt Nam sinh sống và làm việc vậy nên cũng sẽ có nhiều tài sản, tư liệu sản xuất cho người nước ngoài tạo ra và sở hữu. Việc pháp luật Việt Nam có quy định bảo vệ quyền tư hữu tài sản và tư liệu Sản xuất Cho cả những người nước ngoài tại Việt Nam sẽ là tiền đề để họ có thể yên tâm làm ăn, sinh sống ở Việt Nam. Ngoài quy định chung tại hiến pháp 2013, quyền sở hữu tư nhân cũng được quy định cụ thể tại điều 163 Bộ Luật Dân sự 2015.

Đối với quyền được đảm bảo an sinh xã hội, Nhà nước Việt Nam luôn chủ trương đặt chính sách bảo đảm an sinh xã hội ngang tầm với chính sách kinh tế, phù hợp nguồn lực trong từng thời kỳ. Hệ thống chính sách an sinh xã hội được thực hiện theo 3 nhóm: nhóm chính sách phòng ngừa rủi ro, tập trung vào việc làm bền vững; nhóm chính sách giảm thiểu rủi ro; nhóm chính sách khắc phục rủi ro. Việt Nam đã đạt được những tiến bộ vượt bậc về xóa đói, giảm nghèo, phát triển con người cũng như nâng cao chất lượng cuộc sống.

2.3.2. Pháp luật về quyền con người trong lĩnh vực xã hội

Ngoài lĩnh vực kinh tế, lĩnh vực xã hội cũng là một trong các lĩnh vực mà Đảng và nhà nước ta chú trọng phát triển hiện nay. Với tiêu đề xã hội Việt Nam phát triển nhanh chóng nhưng vẫn giữ được sự bền vững, an toàn và bình đẳng, nhà nước đã ban hành rất nhiều quy định pháp luật, chính sách nhằm đạt được mục tiêu phát triển xã hội đặt ra.

Chính sách bảo đảm an sinh xã hội ngang tầm với chính sách kinh tế, được thực hiện phù hợp với trình độ phát triển và khả năng nguồn lực trong từng thời kỳ, đồng thời có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm mức sống tối thiểu và hỗ trợ kịp thời người có hoàn cảnh khó khăn. Hiến pháp 2013 nêu rõ “Công dân có quyền được bảo đảm an sinh xã hội” theo Điều 34. Hệ thống chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam đang được thực hiện theo 3 nhóm chính sách, gồm: Nhóm chính sách phòng ngừa rủi ro, tập trung vào việc làm bền vững; Nhóm chính sách giảm thiểu rủi ro, bao gồm: chính sách trợ cấp xã hội và các dịch vụ xã hội cơ bản. Các chính sách, chương trình giảm nghèo đóng vai trò quan trọng trong bảo đảm an sinh xã hội cho người nghèo trên ba phương diện: Tăng cường tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục, dạy nghề, trợ giúp pháp lý, nhà ở và nước sinh hoạt; hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập thông qua các chính sách tín dụng, ưu đãi, đất sản xuất, khuyến nông-lâm-ngư, phát triển ngành nghề, xuất khẩu lao động, phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu cho các xã đặc biệt khó khăn. Các chính sách này cũng hỗ trợ cho các hộ cận nghèo nhằm thoát nghèo bền vững, giảm thiểu tình trạng tái nghèo.

Bảo đảm quyền được chăm sóc sức khỏe là một trong những ưu tiên hàng đầu của Chính phủ Việt Nam trong chiến lược phát triển: “Mọi người có quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, bình đẳng trong việc sử dụng các dịch vụ y tế và có nghĩa vụ thực hiện các quy định về phòng bệnh khám bệnh chữa bệnh” - Đây là nội dung của Điều 38

Hiến Pháp năm 2013. Tất cả mọi người đang sinh sống trên đất nước Việt Nam, không phân biệt giới tính, quốc tịch, địa vị xã hội, tất cả đều có quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và đều được đối xử bình đẳng khi sử dụng các dịch vụ y tế. Quy định này chứng tỏ việc phát triển vượt bậc trong quyền con người của pháp luật Việt Nam và ngày càng phù hợp với tinh thần của quốc tế về Quyền con người. Ngoài ra, việc quy định mọi người đều có quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cũng là một sự thể hiện rõ ràng và cụ thể hơn của quyền sống - một trong các quyền cơ bản của con người bởi nếu chỉ có công dân Việt Nam có quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe hay chỉ có một số đối tượng đặc biệt mới có quyền này hoặc có sự phân biệt đối xử trong việc sử dụng các dịch vụ y tế thì có nghĩa là đã gián tiếp tước đi quyền sống của con người. Quy định này cũng được cụ thể bằng các luật bảo hiểm y tế 2015, luật an toàn, vệ sinh thực phẩm năm 2015, cho tới các pháp lệnh vì người có công, bà mẹ Việt Nam anh hùng, những văn bản pháp luật này đều quy định các quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người, bao gồm: người lao động, phụ nữ, trẻ em, người có công với cách mạng, trong vấn đề chăm sóc sức khỏe và sử dụng các dịch vụ y tế tại các cơ sở phục vụ khám, chữa bệnh và các dịch vụ y tế. Chưa dừng lại ở đó, Nhà nước ta còn quan tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản cho vị thành niên/thanh niên và sức khỏe đối với các phạm nhân, trại viên, người bị tạm giữ, tạm giam thông qua các kế hoạch hành động quốc gia, các nghị định, thông tư hướng dẫn: Thông tư số 12/2020/TT-BCA ngày 07/02/2020, Nghị định số 59/2020/NĐ-CP ngày 27/5/2020, Quyết định số 3781/QĐ-BYT ngày 28/8/2020. Điều này cho thấy rằng mỗi cá nhân ở mọi lứa tuổi, mọi đối tượng kể cả phạm nhân đều được nhà nước quan tâm tới quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của mỗi người mà không phân biệt đối xử khi sử dụng các dịch vụ tại cơ sở y tế. Quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của toàn dân còn được thể hiện rõ ràng trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Tính từ thời điểm Việt Nam ghi nhận cả nhiệm đầu tiên cho tới thời điểm 23/9/2023, nước ta đã có 11.619.703 người nhiễm Covid-19 và có 43.206 ca tử vong chiếm 0,37. Để có thể hạn chế và ngăn chặn được các ca tử vong do covid 19 đồng thời tăng số lượng ca khỏi bệnh, nhà nước đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ cho người dân. Có thể kể tới nghị quyết số 68/2021/NQ-CP ngày 1/7/2021 hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do dịch bệnh covid 19, trong đó có các quy định về các chính sách hỗ trợ điều trị và cách ly tại nhà hay quy định hỗ trợ tiền ăn đối với các trường hợp nhiễm covid 19 tại khoản 1 điều 26 nghị quyết 23/2021/NQ-CP ngày 7/7/2021. Điều này cho thấy Đảng và nhà nước ta luôn đặt vấn đề bảo vệ sức khỏe của người dân lên hàng đầu, luôn sẵn sàng giúp đỡ và hỗ trợ cho người dân, từ đó đảm bảo được các quyền cơ bản của con người một cách hiệu quả và toàn diện.

Bất cứ cá nhân nào cũng có quyền được sống trong một môi trường trong lành, sạch sẽ, chất lượng không khí tốt. Điều 43 của hiến pháp năm 2013 có quy định: “*Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành...*”, quy định này đã được cụ thể hóa tại khoản ba Điều 4 Luật bảo vệ môi trường 2020: “*Bảo vệ môi trường gắn kết hài hòa với an sinh xã hội, quyền trẻ em, bình đẳng giới, bảo đảm quyền mọi người được sống trong môi trường trong lành.*” Đây là một quyền mới so với Hiến pháp năm 1992, cụ thể, tại Hiến pháp năm 1992 chỉ có quy định về nghĩa vụ của cá nhân việc thực hiện bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên. Quyền được sống trong môi trường trong lành là một sự phát triển mới rộng hơn của quyền sống, bởi nếu như con người phải sống trong hoàn cảnh môi trường bị ô nhiễm, bị hủy hoại nặng nề, chất lượng không khí không tốt thì sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe và có thể gây đến các bệnh về đường hô hấp, tiêu hóa,... Lúc này sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới quyền sống của con người. Hay nói cách khác, yếu tố môi trường sống là một trong những yếu tố

với ảnh hưởng quyền sống, ảnh hưởng tiêu cực hoặc tích cực sẽ phụ thuộc vào chất lượng môi trường. Việc Hiến pháp năm 2013 ban hành thêm quyền được sống trong môi trường trong lành của con người đã thể hiện sự chuyển đổi trong nhận thức và sự quan tâm mạnh mẽ đến môi trường của xã hội và chỉ hiện sự thống nhất với pháp luật quốc tế về Quyền con người. Trên tinh thần của Hiến pháp năm 2013, quyền được sống trong môi trường trong lành của con người đã được cụ thể hóa tại Bộ luật Hình sự năm 2015 bằng các quy định về tội phạm môi trường, một bảo vệ môi trường năm 2020 và một số văn bản dưới luật khác.

2.3.3. Pháp luật về quyền con người trong lĩnh vực văn hóa

Việt Nam là một đất nước qua hàng nghìn năm lịch sử với 54 dân tộc anh em trải khắp 63 tỉnh thành, mỗi dân tộc khác nhau lại có những truyền thống văn hóa khác nhau, từ đó tạo nên nền văn hóa truyền thống lâu đời và đa dạng của đất nước ta.

Đối với các quyền về văn hóa, đặc biệt đã chú trọng việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa, khuyến khích, cổ vũ tự do trong sáng tạo nghệ thuật. Quyền hưởng thụ, tiếp cận các giá trị văn hóa là một trong các quyền cơ bản của con người và được quy định tại Điều 41 Hiến pháp năm 2013 với nội dung sau: *“Mọi người có quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, xin giúp các cơ sở văn hóa.”* Đây không phải là một quyền mới trên thế giới bởi tại điều 27 tuyên ngôn Quốc tế về nhân quyền năm 1948 (UDHR) Đã có quy định về quyền tham gia, hưởng thụ văn hóa, nghệ thuật, tuy nhiên cho tới Hiến pháp năm 2013, tại Việt Nam mới có quy định về quyền này. Điều này cho thấy rằng nhà nước đã có cái nhìn mới về các giá trị văn hóa và đã mở rộng thêm quyền con người trên nhiều lĩnh vực để xây dựng hệ thống quy định về Quyền con người phù hợp với hệ thống pháp luật quốc tế. Nhà nước Việt Nam cũng ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa như: Luật Sở hữu trí tuệ 2022, Luật Điện ảnh 2022, Luật Di sản văn hóa 2009, Luật Quảng cáo năm 2012, Luật Xuất bản năm 2012, Luật Thư viện năm 2019..., tạo lập một hành lang pháp luật rộng mở, thuận lợi cho các hoạt động về bảo tồn di sản văn hóa, tôn trọng quyền tự do sáng tạo và tự do hoạt động văn hóa của các tổ chức, cá nhân, bảo vệ quyền tác giả và các quyền liên quan. Đặc biệt, Luật Di sản văn hóa quy định rõ trách nhiệm của các bộ, ngành, đoàn thể liên quan ở Trung ương và Ủy ban Nhân dân các cấp trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia rộng rãi vào hoạt động bảo tồn di sản văn hóa, mở rộng giao lưu, tuyên truyền, giới thiệu di sản văn hóa Việt Nam ra nước ngoài. Ngoài ra, nhiều luật và pháp lệnh liên quan đến lĩnh vực văn hóa như: Nghị định 15/2016/NĐ-CP khuyến khích tổ chức, cá nhân Việt Nam tham gia biểu diễn nghệ thuật, đầu tư cho việc sưu tầm, gìn giữ và phát triển các giá trị, truyền thống văn hóa hàng nghìn năm của dân tộc. Ngoài việc tạo điều kiện nhằm khuyến khích tổ chức các chương trình biểu diễn nghệ thuật, các chương trình văn hóa, nhà nước ta còn có quy định giảm giá vé dịch vụ cho đối tượng là người có công với cách mạng, người cao tuổi, học sinh, sinh viên, người khuyết tật khi sử dụng dịch vụ văn hóa: bảo tàng di tích văn hóa lịch sử, thư viện và triển lãm cùng với cách cư xử văn hóa khác, chính sách ưu đãi này được quy định tại các nghị định, thông tư hướng dẫn: Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP, Điều 10 Nghị định 84/2020/NĐ-CP, Điều 5 Nghị định 06/2011/NĐ-CP...

Nhiều di sản văn hóa đã trở thành những sản phẩm văn hóa – du lịch hoàn chỉnh, vừa là động lực, vừa là mục tiêu cho sự phát triển ngành kinh tế mũi nhọn du lịch. Công tác sưu tầm, bảo trì và tôn tạo di tích luôn được các cơ quan chức năng quan tâm và đạt được nhiều kết quả thiết thực. Hiện nay, cả nước có trên 4 vạn di tích được kiểm kê,

trong đó có gần 10.000 di tích cấp tỉnh, thành phố, 3.486 di tích quốc gia, 105 di tích quốc gia đặc biệt, 8 di sản thế giới (2 di sản thiên nhiên, 5 di sản văn hóa, 1 di sản hỗn hợp). Theo thống kê, cả nước hiện có 61.669 di sản văn hóa phi vật thể của 63 tỉnh, thành phố được kiểm kê, trong đó, có 249 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia và 12 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh. Ngoài ra, theo Chương trình Ký ức thế giới của UNESCO, đến nay, Việt Nam đã có 7 di sản tư liệu được UNESCO ghi danh (gồm 3 di sản tư liệu thế giới và 4 di sản tư liệu khu vực châu Á – Thái Bình Dương).

Bên cạnh ý nghĩa về mặt chính trị, quyền hưởng thụ, tiếp cận các giá trị văn hóa còn có ý nghĩa về mặt thương mại khi làm nảy sinh ra các giá trị thương mại như: văn hóa dân gian, ẩm thực vùng miền, lễ hội dân gian,... Ngoài ra, việc quy định quyền hưởng thụ, tiếp cận các giá trị văn hóa còn có ý nghĩa to lớn trong thời đại hội nhập, khi mà các giá trị văn hóa của các quốc gia trên thế giới liên tiếp được du nhập vào Việt Nam, vì vậy cần phải có biện pháp thúc đẩy, phổ biến các giá trị văn hóa mang đậm bản sắc dân tộc riêng với giới trẻ cũng như bạn bè trên thế giới để có thể giữ gìn, phát huy các truyền thống văn hóa dân tộc.

Như vậy, với hệ thống pháp luật đã được ban hành và thực tiễn quá trình triển khai thực hiện, có thể thấy rằng về cơ bản, các quyền KTXHVVH ở nước ta được bảo đảm thực hiện ngày một tốt hơn.

2.4. Thực trạng thực thi quyền của một số nhóm dễ bị tổn thương trong pháp luật Việt Nam

Ở Việt Nam, trong suốt những năm thực hiện công cuộc Đổi mới toàn diện đất nước đến nay, cùng với những thành tựu trong phát triển kinh tế - xã hội, nước ta còn chú trọng tham gia vào các Công ước của các tổ chức quốc tế liên quan đến bảo vệ, bảo đảm quyền của nhóm người dễ bị tổn thương như: Công ước về quyền trẻ em; Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ; Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc; Công ước về quyền của người khuyết tật; Công ước chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người; Công ước về tuổi tối thiểu của trẻ em được tham gia vào lao động công nghiệp; Công ước về trả công bình đẳng giữa lao động nam và nữ... Qua đó cho thấy, với một quốc gia vẫn còn đang đối mặt nhiều khó khăn như nước ta, có thể nói đây là nỗ lực, trách nhiệm cũng như cam kết của Việt Nam trong quá trình đảm bảo pháp lý quyền con người đối với nhóm dễ bị tổn thương. Bên cạnh việc gia nhập các công ước quốc tế, trong những năm qua, hệ thống pháp luật liên quan đến quyền của nhóm người dễ bị tổn thương cũng được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện. Có thể điểm qua một số nét nổi bật như sau:

Đối với quyền của phụ nữ. Hiến pháp năm 2013 là cơ sở pháp lý quan trọng nhất trong việc thừa nhận vị thế của người phụ nữ trong đời sống chính trị, kinh tế và xã hội ở nước ta. Điều 26 nhấn mạnh: “Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới. Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội. Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới”. Thực vậy, cùng với sự phát triển của xã hội, phụ nữ tham gia ngày càng nhiều hơn các công việc trong bộ máy nhà nước, quản lý đời sống xã hội, phát huy tiềm năng của họ trong sự nghiệp phát triển đất nước. Bình đẳng giới trong đời sống chính trị được xem như nấc thang cao hướng đến sự bình đẳng về quyền lực của phụ nữ. Trong những năm qua, số ghế đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân luôn có mức ổn định đáng kể, dao động từ 20 – 25%. Phụ nữ có đại diện ở vị trí ra quyết định

trong các ngành, các cấp, đặc biệt ở vị trí lãnh đạo cao như Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân... Bên cạnh đó, một số ngành kinh tế phụ nữ được cho là lực lượng lao động chính như: nông nghiệp, giáo dục đào tạo, khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch, y tế... Lao động nữ còn nhận được sự quan tâm nhiều hơn trong thời kỳ thai sản và tuổi nghỉ hưu với những sửa đổi phù hợp trong pháp luật lao động. Việt Nam là một trong những nước dành nhiều ưu tiên cho phụ nữ trong lĩnh vực nghỉ thai sản với thời gian nghỉ sinh con tương đối cao so với Công ước bảo vệ thai sản của Tổ chức lao động quốc tế (ILO).

Đối với quyền của trẻ em. Việc bảo đảm các quyền trẻ em luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm nhất định, nâng cao cơ hội tham gia của trẻ vào các hoạt động liên quan đến quyền và lợi ích của trẻ em. Hiến pháp năm 2013 ghi nhận: “Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em”. Với quan điểm trẻ em là hạnh phúc của gia đình, là thế hệ tương lai của đất nước, Việt Nam nhận thấy việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em là trách nhiệm của nhà nước, gia đình, nhà trường và toàn xã hội. Cùng với việc trở thành một trong những nước châu Á đầu tiên và nước thứ hai trên thế giới ký và phê chuẩn Công ước quốc tế về Quyền trẻ em, chúng ta còn tích cực thực hiện cam kết, hợp tác quốc tế nhằm cải thiện phúc lợi trẻ em trong điều kiện thu nhập bình quân đầu người còn tương đối thấp. Các chỉ số phản ánh tình hình phát triển của nhóm đối tượng này ở mức khả quan và có chiều hướng tăng dần qua nhiều năm. Việt Nam đã đạt được những thành tựu trong việc giảm tử vong trẻ em dưới 1 tuổi và trẻ em nói chung. Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi (IMR) đã giảm từ 36,7/1000 trẻ năm 2000 xuống còn 15/1000 trẻ vào năm 2008. Tỷ lệ trẻ sơ sinh nhẹ cân cũng đã giảm từ năm 2000 đến 2005 ở mức 7,3% xuống còn 5,1%.

Đối với quyền của cộng đồng người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT). Đến nay, mặc dù cùng với sự phát triển của xã hội, sự phổ biến của phương tiện thông tin đại chúng thì những kỳ thị, phân biệt đối xử với cộng đồng người này tuy có giảm nhưng vẫn chưa đạt được những kết quả mong đợi. Hành lang pháp lý bảo vệ cho nhóm người LGBT vẫn còn hạn chế nhất định mặc dù chúng ta đã có nhiều thay đổi trong khâu lập pháp. Cụ thể, trong lần sửa đổi Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tại khoản 2 Điều 8 quy định: “Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính” thay vì dùng từ “cấm” như luật trước đây. Ngoài ra, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 còn quy định người đồng tính, người chuyển giới có thể được bố trí giam giữ ở buồng riêng. Một số quy định trên cho thấy Nhà nước ta đã bắt đầu có những thay đổi nhất định, quan tâm hơn đối với nhóm người dễ bị tổn thương này so với trước.

2.5. Những hạn chế, bất cập khiến pháp luật Việt Nam hiện nay chưa phát huy được hết vai trò trong việc bảo vệ quyền con người

2.5.1. Hệ thống pháp luật về quyền con người còn hạn chế, yếu kém

Cho đến nay hệ thống quy phạm pháp luật về quyền con người ở nước ta đã tương đối đầy đủ và phù hợp với định hướng của pháp luật thế giới. Tuy nhiên hiện nay vẫn còn tồn tại một số quy định chưa thực sự phù hợp với tình hình phát triển của đất nước cũng như xu hướng phát triển của pháp luật quốc tế. Mặc dù nước ta có rất nhiều quy định pháp luật về quyền con người, tuy nhiên lại chưa có một khái niệm chính thức định nghĩa về quyền con người. Việc không có một khái niệm chính thức về quyền con người được công nhận trong pháp luật sẽ dẫn tới tình trạng người dân mơ hồ trong nhận thức

à có cái nhìn sai lệch về các quyền cơ bản của con người cũng như các quy định của pháp luật về quyền con người.

Trong Nghị quyết số 48-NQ/TW, hoàn thiện pháp luật về đảm bảo quyền con người, quyền tự do dân chủ là một trong sáu định hướng lớn hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc gia, tuy nhiên nhiều nội dung của định hướng này được triển khai chậm chạp. Nếu so sánh trong bức tranh tổng thể với các định hướng hoàn thiện pháp luật khác thì quá trình hoàn thiện pháp luật về quyền con người diễn ra chậm. Sự chậm trễ được thể hiện trong việc chậm ban hành luật, chậm đổi luật mới, chậm hướng dẫn thi hành, chậm trong việc tổ chức thực thi. Một loạt các ví dụ điển hình cho nhận định trên có thể thấy như quá trình xây dựng các dự án Luật Biểu tình, Luật về Hội kéo dài qua nhiều nhiệm kỳ Quốc hội mặc dù định hướng này đã có trong Nghị quyết 48-NQ/TW và có cơ sở pháp lý được quy định tại Hiến pháp năm 1992. Chậm đổi mới hệ thống pháp luật trong lĩnh vực quyền con người, quyền công dân còn được thể hiện qua việc chậm sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật đã có trong lĩnh vực này. Việc ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu về thời gian, đặc biệt là ở cấp chính quyền địa phương. Cuối cùng, công tác tổ chức thi hành pháp luật trong lĩnh vực này ở một số nơi, có thời điểm còn thiếu sát sao, thậm chí mang tính hình thức.

Một điểm đáng chú ý khác đó là việc nội luật hóa các công ước quốc tế về quyền con người còn chậm và nhiều bất cập. Kết quả nghiên cứu, rà soát, phân tích so sánh giữa các quy định của pháp luật hiện hành với Hiến pháp 2013 và các công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết, gia nhập cho thấy, vẫn còn nhiều quy định trong các đạo luật hiện hành chưa tương thích với các quy định của Hiến pháp 2013 và các công ước. Ví dụ như việc thành lập cơ quan nhân quyền quốc gia (một trong các nội dung Việt Nam cam kết thực hiện khi ứng cử vào Hội đồng nhân quyền Liên hợp quốc) vẫn chưa được thành lập hay việc Việt Nam tham gia vào các công ước quốc tế chưa trọn vẹn khi vẫn còn nhiều điều khoản của các công ước quốc tế về quyền con người chúng ta vẫn đang bảo lưu chưa thực hiện.

Thiếu các đạo luật là cơ sở pháp lý cho người dân thực hiện một số nhóm quyền con người như: quyền tự do lập hội, quyền biểu tình. Một số quyền này mặc dù đã được quy định tại Hiến pháp năm 2013 nhưng cho tới thời điểm hiện tại vẫn chưa có một văn bản pháp luật chính thức quy định cụ thể mặc dù đã được quy định lần đầu tiên tại Điều 69 Hiến pháp năm 1992 và tiếp tục được quy định trong Điều 25 Hiến pháp 2013, tuy nhiên cho tới nay là 2024 vẫn chưa có quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện quyền hội họp, biểu tình này. Hay quyền làm chủ, quyền được tham gia quản lý trực tiếp các vấn đề quan trọng của đất nước, quyền tiếp cận thông tin,... chưa được bảo đảm đúng như tinh thần của nó trong Hiến pháp. Quy trình xây dựng pháp luật còn nhiều bất cập, không chú trọng áp dụng cách tiếp cận dựa trên quyền với nguyên tắc căn bản là công dân có quyền tham gia vào quá trình quyết định những vấn đề liên quan đến đời sống của họ. Sự thiếu đồng bộ của pháp luật để bảo vệ quyền của những đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương, bảo vệ những quyền về kinh tế, xã hội của những người lao động trong từng loại hình doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, Hiến pháp 2013 đề ra nhiều quyền mới thuộc lĩnh vực quyền con người như quyền sống (Điều 19); các quyền về khoa học và công nghệ, văn hóa (Điều 40,41); quyền xác định dân tộc, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp (Điều 42); quyền sống trong môi trường trong lành (Điều 43); quyền của công dân không bị trục xuất, giao nộp cho nước khác (Khoản 2 Điều 17). Đến nay, chưa có nhiều việc được làm thể chế hóa các quy định này.

Việc tổ chức thực thi pháp luật trong lĩnh vực này chưa được quan tâm đúng mức, thể hiện sự bất cập trong năng lực tổ chức thực thi pháp luật. Nhiều ví dụ có thể chỉ ra như tình trạng oan sai trong quy trình tố tụng hình sự với những sai sót lớn trong quá trình tố tụng ở các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử: Vụ án ông Nguyễn Thanh Chân Sinh năm 1961 tại Bắc Giang bị kết án chung thân vì tội giết người. Ông được trả tự do còn 11/2013 sau khi hung thủ thực sự ra đầu thú. Tính đến thời điểm đó ông bị oan và ngồi tù 10 năm hai vụ án ông Huỳnh Văn nén ở Bình Thuận người bị kết án oan 17 năm 5 tháng hai vụ án giết người... hay vụ án Trần Ngọc Chinh - Ông cụ chịu án oan gần 40 năm ở Vĩnh Phúc vẫn mòn mỏi chờ bồi thường, sau khi thương lượng về mức bồi thường nhưng không đi đến thống nhất gia đình ông Chinh đã làm đơn khởi kiện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc để đòi quyền lợi trong suốt 40 năm ông phải chịu oan sai, ngày 29/10/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý hồ sơ vụ việc tuy nhiên đến nay vẫn chưa được vụ án dân sự này ra xét xử.

Trên thực tế, các mức xử phạt hiện nay chưa có tính răn đe, dẫn tới còn nhiều cá nhân, tổ chức bất chấp bị xử phạt để thực hiện những hành vi xâm phạm quyền con người hòng kiếm lợi nhuận bởi mức phạt vi phạm hành chính chỉ dao động từ vài triệu cho tới vài chục triệu đồng. Đặc biệt, các dịch vụ cung cấp phần mềm nghe lén điện thoại hay đọc trộm tin nhắn của người khác trên các trang mạng xã hội đang nhận được rất nhiều sự quan tâm từ cộng đồng và thậm chí các đối tượng cung cấp dịch vụ này công ngang nhiên quảng cáo công khai. Mặc dù đây là một hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm tới đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật điện thoại, thư tín được quy định trong Hiến pháp 2013 nhưng hiện nay lại có rất nhiều tổ chức, cá nhân sử dụng loại dịch vụ nói trên. Ví dụ nổi bật có thể nhắc tới Công ty Việt Hồng cung cấp dịch vụ nghe lén, tại thời điểm bị phát hiện vào năm 2014, công ty này đã cung cấp các phần mềm nghe lén cho hàng ngàn người, lợi nhuận thu được có thể lên tới hàng tỷ đồng.

Bên cạnh đó, việc bảo vệ quyền con người có một số đối tượng chưa được quan tâm đúng mức bảo vệ quyền của nhóm người đồng tính, song tính, trên dưới, bảo hộ của nhà nước với công dân đi lao động ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài...

Hiện nay cũng chưa có một cơ quan, một thiết chế độc lập nào đứng ra chịu trách nhiệm chính chủ trì việc đảm bảo quyền con người, quyền công dân ở nước ta. Việc bảo đảm quyền con người hiện nay thuộc trách nhiệm của nhiều cơ quan khác nhau phù hợp với trách nhiệm của từng cơ quan với mô hình và bản chất khác nhau, ví dụ cơ quan nhà nước bộ tư pháp, bộ công an, bộ ngoại giao, bộ nội vụ, các tổ chức Hiệp hội. Cách làm hiện nay có những ưu điểm nhất định nhưng ngược lại cũng có nhiều hạn chế như hạn chế trong hiệu quả sự phối kết hợp, hạn chế trong khả năng nhận biết và tiếp cận của công dân khi có các vấn đề về quyền con người, quyền công dân khi có sự kiện phát sinh.

2.5.2. Một số bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa có nhận thức đầy đủ về vai trò của pháp luật trong việc bảo vệ quyền con người

Cán bộ, công chức, viên chức là lực lượng làm việc trong cơ quan nhà nước và thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước giao; có thể nói rằng đây là lực lượng làm cầu nối giữa Nhà nước và nhân dân lao động bởi chính họ sẽ đưa những chính sách, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước vào đời sống của người dân. Vì vậy, việc cán bộ, công chức, viên chức nhà nước có nhận thức đúng đắn về quyền con người là một yếu tố bắt buộc để không có những hành vi xâm hại tới quyền con người của người dân khi họ thực hiện các thủ tục hành chính hoặc có thể bảo vệ được người dân khi họ thực hiện các thủ tục hành chính hoặc có thể bảo vệ được người dân khi họ bị xâm phạm tới các quyền cơ bản, quyền

công dân. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn tồn tại một số bộ phận cán bộ, công chức, viên chức có nhận thức sai lệch về quyền con người và đôi khi còn có hành động lợi dụng chức quyền có ý thực hiện hành vi vi phạm các quyền hợp pháp của người dân. Thực trạng này thể hiện rõ nhất trong lĩnh vực hành chính, bởi pháp luật hành chính nhà nước cũng như chức năng, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

Có thể kể tới tình trạng một số cán bộ lợi dụng chức quyền cố tình gây khó khăn, phiền hà, nhũng nhiễu người dân, doanh nghiệp nhằm “vòi tiền”. tình trạng này vẫn đang tiếp diễn tại khắp các tỉnh thành trên cả nước cũng như trong nhiều lĩnh vực của thủ tục hành chính. Ví dụ như vụ việc một cử tri tại thành phố Hồ Chí Minh đã lên tiếng về việc bị cán bộ của phường hạch sách, làm khó dễ, không giải thích, hướng dẫn rõ ràng, cụ thể khi ông thực hiện thủ tục làm hồ sơ để được hưởng chế độ người có công với Cách mạng.

Ngoài ra, còn tình trạng một số cán bộ chưa nắm vững được hết các quy định, quy trình, thủ tục mới được Nhà nước ban hành nên đã có những yêu cầu gây khó khăn cho người dân khi thực hiện các thủ tục hành chính. Thậm chí, tại Cần Thơ còn xảy ra tình trạng do cán bộ không đủ năng lực nên chậm trễ trong việc tham mưu dẫn tới tình trạng địa phương này bị chậm tiến độ ban hành các chính sách, nghị quyết đặc thù của thành phố làm ảnh hưởng tới đời sống kinh tế - xã hội của người dân, doanh nghiệp nơi đây.

2.5.3. Công tác tổ chức thi hành pháp luật về quyền con người còn nhiều hạn chế

Các quyền cơ bản, quyền tự do dân chủ của công dân được Hiến pháp 2013 quy định cần được thể chế hóa đầy đủ nhằm bảo đảm thi hành trên thực tế. Có pháp luật tốt, nhưng nếu không có sự tôn trọng và thực hiện pháp luật nghiêm minh thì quyền con người cũng chưa được đảm bảo trên thực tế.

Việc phối hợp giữa lập pháp và hành pháp vẫn còn những vướng mắc nhất định, đôi chỗ cơ quan hành pháp chưa thực sự là cơ quan thi hành đúng các quy định pháp luật hay pháp luật quy định chưa cụ thể các chủ thể có thể áp dụng. Thực tế, luật sau khi ban hành không thể tự nó đi vào đời sống và phải bằng công tác tổ chức thi hành pháp luật một cách quyết liệt không kém so với hoạt động lập pháp. Do đó sự phối hợp ăn ý, nhuần nhuyễn giữa hoạt động lập pháp và hoạt động hành pháp là cần thiết. Công tác quản lý nhà nước và theo dõi thi hành pháp luật có quy mô rộng lớn, gắn với hầu hết các lĩnh vực quản lý, trong khi đó, không có tiêu chuẩn cụ thể, rõ ràng để xác định mức độ chấp hành, hiệu quả công tác theo dõi thi hành pháp luật.

Công tác tổ chức thực hiện theo dõi thi hành pháp luật liên quan đến công tác thi hành đảm bảo tôn trọng quyền con người công chúng chưa có thước đo rõ ràng, chi tiết để đánh giá mức độ chấp hành, hiệu quả công tác theo dõi thi hành pháp luật. Công tác phối hợp trong tổ chức thi hành pháp luật, theo dõi tình hình thi hành pháp luật của một số cơ quan, địa phương chưa được đồng bộ, chặt chẽ, hiệu quả chưa cao.

2.5.4. Công tác tuyên truyền, giáo dục về vai trò của pháp luật trong việc bảo vệ quyền con người chưa thực sự hiệu quả

Nhận thức về vai trò của pháp luật trong việc bảo vệ QCN của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn bất cập, chưa thực sự ngang tầm với yêu cầu của cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương. Mặc dù các hình thức tuyên truyền, giáo dục ở nước ta đã phát triển mạnh trong một số năm qua, song chúng chưa thực sự phổ biến và dễ tiếp cận đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Hơn nữa, QCN có nội dung rộng, phức tạp, liên quan đến nhiều vấn đề nhạy cảm như: dân chủ, tôn giáo, dân tộc, tư

pháp, tiếp cận thông tin... cho nên việc nắm vững các quan điểm của Đảng, pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia, cũng như các trình tự, thủ tục bảo đảm QCN là công việc không đơn giản. Thực tế cho thấy, hiểu biết về vai trò của pháp luật trong bảo vệ nhân quyền ở nước ta hiện nay còn nhiều hạn chế, dẫn đến có những hành động cố ý hoặc vô ý vi phạm các quyền hợp pháp của công dân, đặc biệt là ở một số cơ quan công quyền và một số cơ quan tư pháp. Nội dung, thời gian tuyên truyền còn ít và chưa thực sự sáng tạo, hiệu quả, các hình thức giáo dục trực quan mới chưa được áp dụng nhiều trên thực tiễn. QCN được coi là một vấn đề nhạy cảm, ít khi những vấn đề QCN trong nước được đề cập một cách trực tiếp trên các phương tiện thông tin đại chúng. Vì vậy dẫn đến nhận thức của người dân về vấn đề này còn hạn chế.

2.5.5. Những vấn đề bất cập mới, đa dạng về nhận thức vai trò của pháp luật trong việc bảo vệ quyền con người trong nền kinh tế thị trường hiện nay

Sự hình thành những yêu cầu mới, đa dạng về Quyền con người trong bối cảnh xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Một mặt hiện nay, khi đất nước đã bước vào giai đoạn đang phát triển, có mức thu nhập trung bình, cùng với sự tăng lên của nguồn lực kinh tế và trình độ dân trí. Xã hội sẽ xuất hiện yêu cầu cao hơn đối với việc bảo đảm các tiêu chuẩn nhân quyền đã được pháp luật quốc tế công nhận. Các hình thức lao động, sản xuất, kinh doanh, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, đã tạo ra những khả năng mới trong việc bảo vệ quyền con người. Do những thay đổi đó đi trong các hoạt động xã hội, bên cạnh những quyền căn bản (Quyền sống, quyền có việc làm, chỗ ở, chăm sóc sức khỏe...) cũng xuất hiện những đòi hỏi cho các quyền mới, như quyền về môi trường trong lành, quyền được bảo đảm an sinh xã hội, quân sự từ nhân phải quyền của giới tính thứ ba, quyền của kiều dân nước ngoài định cư tại Việt Nam và việt kiều.

Mặt khác trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, sự phân hóa - phân tầng xã hội không chỉ bị tác động bởi sự phân hóa giàu nghèo, mà còn bị ảnh hưởng bởi sự đa dạng về văn hóa vùng miền, văn hóa dân tộc và hội nhập quốc tế. Sự phân hóa - Phân tầng xã hội đã và sẽ dẫn đến sự đa dạng hóa mạnh mẽ các nhu cầu về Quyền con người giữa các giai cấp tầng xã hội. Nhà nước vừa phải có nghĩa vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về quyền con người cho các nhóm dân cư tại các khu đô thị, vừa phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ bảo đảm quyền rất thiếu thốn, đặc biệt là quyền kinh tế xã hội, văn hóa cho các nhóm dễ bị tổn thương. Sự Đa dạng đó đã và sẽ tạo ra những thách thức mới đối với chính sách, pháp luật không chỉ trên lĩnh vực quyền con người.

Sự thiếu hụt các nguồn vật chất bảo đảm. Mặc dù đòi hỏi ở mức độ khác nhau, xong việc bảo đảm bất cứ quyền con người nào cũng không thể tách rời với các điều kiện vật chất. Do những khó khăn về kinh tế, ở lớp ta nay còn thiếu các điều kiện để chăm sóc, giải quyết việc làm cho các đối tượng: những người bị nhiễm HIV/AIDS, những người vi phạm pháp luật sau khi mãn hạn tù....

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Trong những năm gần đây, quyền con người càng ngày càng nhận được nhiều sự quan tâm và chú ý từ Đảng và Nhà nước, điều này đồng nghĩa với việc ngày càng có nhiều quy định pháp luật được ban hành nhằm mục đích bảo đảm quyền con người được thực hiện và bảo vệ quyền con người khỏi bị xâm phạm trên thực tế. Các quy định mới được ban hành đã quy định cụ thể hơn về các quyền mới của quyền con người được quy định trong Hiến pháp năm 2013, điều này góp phần giúp người dân thoát khỏi tình trạng ngỡ ngàng khi thực hiện các quyền con người mới được ban hành, ngoài ra còn đóng vai trò quan trọng đối với cá nhân, cơ quan, tổ chức nhà nước có thẩm quyền khi thực hiện công tác tổ chức thi hành pháp luật.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, pháp luật Việt Nam hiện nay vẫn còn tồn tại một số hạn chế khiến cho pháp luật chưa thể phát huy được hết vai trò của mình trong việc bảo vệ quyền con người trên thực tế. Và tình trạng thực thi pháp luật của một số cán bộ, công chức, viên chức vẫn còn chưa nghiêm minh, chưa thực sự phát huy được hết vai trò của mình trên thực tế. Vì vậy để bảo vệ quyền con người của hệ thống pháp luật Việt Nam được hiệu quả hơn, em xin đề xuất một số kiến nghị và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác bảo vệ quyền con người ở nước ta hiện nay trong Chương 3.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3. 1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về quyền con người

Giai đoạn từ nay đến năm 2030 (đặc biệt giai đoạn 2026 - 2030), việc hoàn thiện pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật về quyền của đối tượng người yếu thế nói riêng cần đáp ứng một số yêu cầu, định hướng như sau

Thứ nhất, thực hiện tốt các quy định trong Hiến pháp năm 2013, Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết số 27-NQ/TW về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Cần hướng trọng tâm vào mục tiêu phát huy nhân tố con người, bảo đảm thực hiện tốt hơn các quyền và tự do cơ bản của người dân, đảm bảo hệ thống pháp luật quốc gia hài hòa và phù hợp với các chuẩn mực pháp luật quốc tế, thực hiện nghiêm chỉnh các cam kết quốc tế về quyền con người.

Thứ hai, khi tiến hành nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các đạo luật hiện hành từ góc độ quyền con người cần căn cứ đồng thời vào các quy định của Hiến pháp năm 2013 và các công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết, gia nhập để thực hiện việc sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về quyền con người, quyền công dân. Cần rà soát để loại bỏ các quy định hạn chế quyền con người đang được quy định trong các văn bản dưới luật vì vi phạm quy định của khoản 2, Điều 14, Hiến pháp năm 2013. Sớm xây dựng các văn bản pháp luật thực hiện quyền con người, quyền công dân về tự do lập hội, tự do tôn giáo, tín ngưỡng, tự do biểu tình. Cần khắc phục quan niệm quá nhấn mạnh, quá coi trọng các nội dung về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực báo chí, xuất bản, lập hội, tôn giáo, tín ngưỡng mà chưa quan tâm, coi trọng đúng mức đến việc thể hiện, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong các lĩnh vực này.

Thứ ba, nghiên cứu xây dựng các văn bản pháp luật về một số quyền con người, quyền công dân được Hiến pháp năm 2013 bổ sung như quyền sống (Điều 19), quyền được hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa (Điều 41), quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp (Điều 42), quyền được sống trong môi trường trong lành (Điều 43)... Nghiên cứu, hoàn thiện chế độ bảo hộ của Nhà nước đối với các nhóm chủ thể đặc thù như người dân tộc thiểu số, người đồng tính, song tính, chuyển giới... Hoàn thiện pháp luật bảo đảm quyền tự do, dân chủ và bình đẳng của công dân trong việc tiếp cận pháp luật và hệ thống tư pháp với mục tiêu cải cách sâu rộng quan hệ giữa Nhà nước với người dân, tạo điều kiện cho mọi người dân có cơ hội ngang nhau trong việc tiếp cận, sử dụng và hưởng thụ các dịch vụ công trong lĩnh vực hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp.

Thứ tư, đổi mới quy trình xây dựng pháp luật, về quyền con người, quyền công dân. Thể chế hóa đầy đủ, kịp thời, đúng đắn quan điểm, định hướng của Đảng trong Văn kiện Đại hội XIII và các quy định của Hiến pháp năm 2013 thành các đạo luật, văn bản pháp luật về quyền con người, quyền công dân; bảo đảm tiến độ, chất lượng các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết... tạo cơ sở pháp lý bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền công dân theo tinh thần Hiến pháp năm 2013; khắc phục tình trạng ban hành luật khắc phục tình trạng ban hành luật khung, luật ống về quyền con người, quyền công dân khi nội dung đã rõ, đã chín muồi; đồng thời, cần khắc phục tình trạng luật quy định quá cụ thể, bảo đảm tính ổn định, hiệu lực lâu dài của pháp luật về quyền con người, quyền

công dân. Đồng thời, tổ chức thẩm định những hồ sơ dự án, dự thảo xây dựng các văn bản pháp luật khi bảo đảm đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật mới được tổ chức triển khai quy trình xây dựng dự án, dự thảo đó để khắc phục tình trạng: Chất lượng các đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh chưa cao và tình trạng các dự án, dự thảo văn bản sau khi đã đưa vào chương trình nhưng phải xin lùi, rút điều chỉnh.

Thứ năm, nâng cao kỹ thuật lập pháp; hiện đại hóa phương thức và phương tiện xây dựng pháp luật về quyền con người, quyền công dân; ứng dụng thành tựu của khoa học, kỹ thuật, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin để đổi mới phương pháp, tiến độ, chất lượng và hiệu quả của quy trình xây dựng pháp luật về quyền con người, quyền công dân.

Thứ sáu, tiếp tục đẩy mạnh công tác kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật nhằm phát hiện và loại bỏ kịp thời các văn bản trái với các quy định về quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp và luật. Gắn kết chặt chẽ công tác này với công tác xây dựng pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật. Phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm những tổ chức, cá nhân có khuyết điểm, vi phạm trong công tác xây dựng luật, pháp lệnh về quyền con người, quyền công dân.

Thứ bảy, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật về quyền con người, quyền công dân: Xây dựng, ban hành quy định cụ thể tiêu chí đánh giá hiệu quả thi hành pháp luật về quyền con người, quyền công dân làm công cụ phục vụ nhiệm vụ theo dõi thi hành pháp luật về quyền con người, quyền công dân; Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành và xác định trách nhiệm phối hợp của các cơ quan trong bộ máy nhà nước, chính quyền địa phương trong tổ chức thực hiện pháp luật về quyền con người, quyền công dân; Nghiên cứu xây dựng, ban hành Luật về tổ chức thi hành pháp luật, trong đó có thi hành pháp luật về quyền con người, quyền công dân để thực hiện một cách thống nhất công tác tổ chức thi hành pháp luật, công tác theo dõi thi hành pháp luật nói chung và pháp luật về quyền con người, quyền công dân nói riêng, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của những hoạt động này.

Thứ tám, nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp pháp lý về quyền con người, quyền công dân, tạo cơ hội bình đẳng cho mọi tổ chức, cá nhân, đặc biệt, các nhóm đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương tiếp cận công lý. Cần phát triển đồng bộ các dịch vụ pháp lý, tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ pháp lý. Có chính sách cụ thể để phát triển các tổ chức, dịch vụ pháp lý có chất lượng nhằm đáp ứng nhu cầu hỗ trợ pháp lý của người dân, doanh nghiệp tiếp cận công lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của mình. Có cơ chế hỗ trợ để tăng cường mạng lưới trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật miễn phí cho các đối tượng dễ bị tổn thương được trợ giúp pháp lý miễn phí (như các đối tượng dễ bị tổn thương trong xã hội, các đối tượng bị xâm hại tình dục, bạo lực gia đình...). Tiếp tục đẩy mạnh việc xã hội hóa một số hoạt động hỗ trợ tư pháp (công chứng, bán đấu giá tài sản...) nhằm mang lại các dịch vụ tốt nhất cho người dân bình đẳng cơ hội tiếp cận dịch vụ pháp lý để bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

3. 2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về quyền con người

3.2.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ quyền con người ở nước ta

Hoàn thiện, xây dựng hệ thống pháp luật thống nhất, đồng bộ, hiện đại và khả thi luôn là một trong những định hướng của Đảng và Nhà nước ta trên con đường xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt nam. Và trong quá trình hoàn thiện đó,

không thể không nhắc tới sự hoàn thiện pháp luật về quyền con người và sự hoàn thiện này được coi là một trong những tiêu chuẩn để đánh giá sự phát triển về pháp luật cũng như kinh tế của một đất nước. Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật về quyền con người càng hoàn thiện thì càng phát huy được vai trò của pháp luật trong bảo vệ quyền con người khỏi bị xâm phạm.

Hiện nay, hệ thống các quy định pháp luật về quyền con người của nước ta được cải cách và mở rộng hơn rất nhiều so với Hiến pháp năm 1992. Trong Hiến pháp năm 2013, có nhiều các quyền con người mới lần đầu tiên được quy định và nước ta đã bổ sung, sửa đổi, ban hành mới 96 văn bản luật, pháp lệnh liên quan tới việc bảo đảm quyền con người chỉ trong vòng 4 năm, từ năm 2014-2018. Thực tế hiện nay cho thấy rằng cần hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo đảm quyền con người theo hướng vừa phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa đồng thời phù hợp với xu hướng phát triển về quyền con người của quốc tế.

Thứ nhất, cần xây dựng một khái niệm chính thức định nghĩa về quyền con người. hiện nay, có rất nhiều định nghĩa về quyền con người, tùy theo từng lĩnh vực và theo quan điểm khác nhau của mỗi nhà nghiên cứu mà lại có một định nghĩa khác về quyền con người. Ngay cả trong Hiến pháp năm 2013 cũng chỉ có quy định về quyền con người chứ chưa có quy định cụ thể về khái niệm quyền con người. Vì vậy, cần xây dựng hoặc công nhận một khái niệm chính thức định nghĩa về quyền con người và thống nhất sử dụng trên cả nước. Việc này sẽ giúp mọi người dân trên cả nước có một cái nhìn chung về quyền con người, hỗ trợ công tác tuyên truyền, giáo dục quyền con người được thống nhất, đồng bộ và dễ dàng hơn.

Thứ hai, hoàn thiện pháp luật hình sự, tố tụng hình sự trong việc bảo đảm, bảo vệ quyền con người. Cần tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật về các quyền được xét xử công bằng các quy định về địa vị pháp lý khi tham gia tố tụng và đặc biệt là các quy định về tội phạm chưa thành niên theo hướng phù hợp với công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em. Từ đó, sẽ hạn chế được tình trạng xử án oan sai, cắt bỏ được những thủ tục phức tạp gây khó khăn cho người dân cũng như đảm bảo, bảo vệ quyền con người của người dân khi tham gia tố tụng.

Thứ ba, tiếp tục hoàn thiện pháp luật về quyền của các đối tượng yếu thế. Xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật, bảo đảm nguyên tắc tạo cơ hội tiếp cận các quyền về an sinh xã hội, các dịch vụ y tế, giáo dục và nhà ở cho trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo, dân tộc thiểu số, người đồng tính, song tính, chuyển giới... Chú trọng hoàn thiện các quy định về bảo đảm quyền trẻ em, bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ; quyền của người khuyết tật; quyền của người dân tộc thiểu số, xóa bỏ sự phân biệt đối xử và định kiến xã hội đối với người dân tộc thiểu số, quyền của nhóm đồng tính, song tính, chuyển giới; bảo đảm các cộng đồng thiểu số (dân tộc thiểu số, người đồng tính, song tính, chuyển giới...) được tham vấn, tham khảo trong quá trình ra quyết định về các vấn đề có tác động đến họ; xây dựng khuôn khổ pháp lý nhằm ngăn chặn sự ngược đãi... Xây dựng hoàn thiện chính sách, pháp luật tạo cơ sở pháp lý phòng, chống có hiệu quả tội phạm buôn bán người; triển khai các giải pháp hỗ trợ tái hòa nhập cho các nạn nhân bị mua bán; tăng cường hợp tác phòng, chống buôn bán người và bảo đảm quyền của các nạn nhân. Xem xét lộ trình gia nhập Công ước về bảo vệ quyền của tất cả những người lao động di cư và các thành viên gia đình họ năm 1990, Công ước về bảo vệ tất cả mọi người khỏi bị cưỡng bức mất tích năm 2006.

Thứ tư, quyền kinh tế, xã hội, văn hóa cũng cần gấp rút được nghiên cứu và tổng kết thực tiễn, trên cơ sở đó chế định quyền sở hữu cá nhân cần phải được quy định cụ thể hơn. Vì đây là quyền giữ vị trí chi phối các quyền khác, tạo cơ sở pháp lý vững chắc để mỗi cá nhân tự kiểm soát, bảo vệ tài sản của mình và Nhà nước thông qua công cụ pháp lý và bộ máy chuyên trách có trách nhiệm bảo vệ tài sản của công dân. Chỉ khi quyền sở hữu cá nhân được đảm bảo, công dân mới an tâm đưa vốn vào sản xuất kinh doanh, tạo ra của cải làm giàu cho bản thân và xã hội.

3.2.2. Hoàn thiện cách thức, tổ chức thi hành pháp luật về quyền con người ở Việt Nam

Hoạt động tổ chức thi hành pháp luật và suất động xây dựng pháp luật luôn cần phải song hành với nhau, có như vậy các quy định pháp luật mới có thể phát huy được hết vai trò của mình trong quá trình điều chỉnh các quan hệ xã hội nói chung và các quan hệ về quyền con người nói riêng. Vì vậy, để nâng cao vai trò của pháp luật Việt Nam chèo chống bảo đảm, bảo vệ quyền con người thì việc tăng cường hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật là một giải pháp cần thiết và quan trọng

Thứ nhất, ban hành luật tổ chức thi hành pháp luật. Mặc dù thi hành pháp luật là một nhiệm vụ quan trọng của các cơ quan nhà nước và giữ vai trò cần thiết trong quá trình đưa các quy định pháp luật đi sâu vào sống và phát huy được hết vai trò của mình, tuy nhiên hiện nay vẫn chưa có một văn bản chính thức quy định việc công tác tổ chức thi hành pháp luật. Vì vậy việc xây dựng hoàn thiện và ban hành và tổ chức thi hành pháp luật nhất là giải pháp để nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật nói chung và pháp luật về quyền con người nói riêng. Trong đó, cần có quy định rõ ràng và cụ thể trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức thi hành pháp luật, như vậy sẽ tránh được tình trạng đùn đẩy trách nhiệm trong công tác tổ chức thi hành pháp luật trên thực tế, đảm bảo thi hành pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, kịp thời và hiệu quả.

Thứ hai, đẩy nhanh quá trình tham mưu, xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể hóa các quy định về quyền con người của Hiến pháp năm 2013 cũng như các nghị quyết, quyết định ban hành riêng của từng địa phương. Qua đó sẽ khắc phục được tình trạng chậm ban hành các nghị quyết, quyết định cụ thể hóa các quy định của pháp luật và triển khai thực hiện kịp thời các văn kiện, đường lối lãnh đạo của Đảng cũng như chính sách chỉ đạo của Nhà nước. Ngoài ra, tiếp tục thực hiện cải cách, loại bỏ các thủ tục hành chính phức tạp vì không cần thiết và hướng tới thực hiện các thủ tục thông qua cổng thông tin điện tử, từ đó hướng tới một nền hành chính trong sạch công khai hiệu quả, bảo đảm tốt hơn các quyền con người và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình tham gia vào các hoạt động hành chính.

Thứ ba, tiến hành kiểm tra đối soát và thẩm định chất lượng các văn bản pháp luật đã được thi hành. Qua đó có thể phát hiện kịp thời và loại bỏ các quy định pháp luật bị chòng chèo mâu thuẫn lẫn nhau cũng như kiểm tra ra được các sai sót trong quá trình ban hành các văn bản chỉ đạo đặc thù của từng địa phương. Vì vậy có thể tiến hành sửa đổi bổ sung kịp thời các văn bản hướng dẫn quy định chi tiết để xây dựng nên hệ thống pháp luật đồng bộ thống nhất đảm bảo tính khả thi trên thực tế.

Thứ tư, kiện toàn tổ chức Pháp chế và tổ chức làm công tác pháp luật đồng thời nâng cao năng lực, trình độ bản lĩnh chính trị của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Tổ chức thi hành pháp luật theo Hiến pháp 2013, cần kiện toàn tổ chức bộ máy chuyên trách chăm lo công tác này. Vì vậy, trên cơ sở rà

soát sắp xếp bộ máy hiện có theo nguyên tắc tinh gọn, không làm phình bộ máy, làm tăng biên chế, cần thành lập các vụ hay cục tổ chức thi hành pháp luật trong các Bộ, cơ quan ngang Bộ để chuyên trách, chăm lo công tác tổ chức thi hành pháp luật.

3.2.3. Không ngừng xây dựng, củng cố thiết chế bảo đảm thực hiện quyền con người và nâng cao công tác nghiên cứu lí luận, hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ quyền con người ở nước ta

Một là, tiếp tục kiện toàn về tổ chức, hoạt động của các cơ quan nhà nước bao gồm quốc Hội, chính phủ và các cơ quan tư pháp là một trong những giải pháp quan trọng hàng đầu để bảo đảm QCN. Kiện toàn, tăng thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức có chức năng theo dõi, phản biện Chính phủ về việc thực thi nhân quyền và các cơ quan tư pháp trong hoạt động xét xử. Hình thành cơ chế phối hợp về hoạt động giám sát và thúc đẩy QCN của các Ủy ban thuộc Quốc hội.

Hai là, xóa đói, giảm nghèo, thực hiện công bằng xã hội, giảm sự phân hóa giàu nghèo, nền tảng cho phát triển bền vững. Việc đào tạo nghề, cho vay vốn, ưu tiên trong giáo dục, đào tạo, trong đầu tư... đối với đối tượng nghèo, gia đình khó khăn, gia đình thuộc diện chính sách, con em nông dân và đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số phải là bước đi đầu tiên trong hoạch định chính sách. Và phát triển đồng đều phải trở thành một nguyên tắc trong hoạch định chính sách xã hội, chính sách kinh tế.

Ba là, nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức nhà nước và hoàn thiện cơ chế kiểm tra giám sát bảo đảm nhân dân thực sự tham gia quản lý nhà nước. Trách nhiệm của Nhà nước là phải tôn trọng, bảo đảm thực hiện QCN; và công dân cũng phải làm tròn nghĩa vụ phát sinh từ việc thụ hưởng các quyền do Hiến pháp và pháp luật quy định. Quyền và nghĩa vụ qua lại giữa Nhà nước và công dân bảo đảm tính ràng buộc hai chiều, trước hết nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức là phục vụ nhân dân, chứ không phải “làm quan cách mạng”.

3.2.4. Nâng cao vai trò của các cơ quan nhà nước trong bảo vệ quyền con người

Bảo vệ quyền con người là một trong những nhiệm vụ của nhà nước và pháp luật chính là công cụ để các cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ bảo vệ quyền con người của mình. Vì vậy, việc nâng cao năng lực bảo vệ quyền con người của các cơ quan nhà nước giữ vững vị trí vô cùng quan trọng trong việc phát huy vai trò bảo vệ quyền con người của pháp luật Việt Nam trên thực tế.

Trước tiên, là cơ quan lập pháp. Đây là cơ quan có nhiệm vụ chính là duy trì bổ sung hệ thống Văn bản pháp luật của quốc gia, Cơ quan lập pháp giữ vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước bởi cơ quan này là cơ quan sẽ ban hành các văn bản pháp luật, các quyết định quyền và điều chỉnh các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội. Để tiếp tục nâng cao vai trò của quan lập pháp chung bảo vệ quyền con người, có thể thực hiện một số biện pháp sau: tiếp tục hoàn thiện và đổi mới các quy định về tổ chức tốt động của cơ quan lập pháp, để mạnh thực hiện công tác rà soát loại bỏ các quy định pháp luật về quyền con người không còn phù hợp với thực tế pháp luật vào đời sống giúp chính thời gian xây dựng và ban hành các văn bản pháp luật cụ thể hóa và các kinh mới vì con người được quy định trong các năm 2013. Từ đó có thể nâng cao được chất lượng pháp luật nói chung và pháp luật về quyền con người nói riêng, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc bảo đảm thực hiện quyền con người trên thực tế.

Tiếp theo, là các cơ quan và cán bộ hành chính, vì đây là những đối tượng tiếp xúc và làm việc trực tiếp với người dân. Có thể kể tới một số biện pháp như: tăng cường thanh tra, đánh giá công tác quản lý nhà nước, rút gọn, lược bỏ bớt các thủ tục hành chính không cần thiết đồng thời rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính, tiếp tục hoàn thiện và bổ sung các quy định pháp luật về phòng chống tham nhũng nhằm hạn chế và ngăn chặn tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây khó khăn cho người dân, loại bỏ tệ nạn tham nhũng quan liêu đang tồn tại.

Cuối cùng, có thể từ các cơ quan tiến hành tố tụng. Theo quy định của pháp luật, các cơ quan tiến hành thủ tục bao gồm: cơ quan điều tra, viện kiểm sát và tòa án. Đây là các cơ quan được nhà nước giao nhiệm vụ tiến hành các hoạt động tố tụng nhằm giải quyết các vụ việc, vụ án một cách khách quan, công bằng minh bạch và bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ lợi ích của nhà nước, do vậy các cơ quan này giữ một vai trò hết sức quan trọng trong bảo vệ quyền con người trên thực tế. Với vai trò này được thể hiện rõ nét nhất qua việc xét xử các vụ án hình sự. Trong buổi cảnh hiện nay, việc đổi mới và hoàn thiện hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng là một yêu cầu cần thiết, qua đó các cơ quan này có thể thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ con người cũng như nâng cao được niềm tin của người dân vào pháp luật và các cơ quan nhà nước. Để nâng cao vai trò của các cơ quan tiến hành tố tụng, có thể thực hiện một số giải pháp như: tiếp tục bổ sung và hoàn thiện các quy định pháp luật về xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thủ tục, tích cực đẩy mạnh áp dụng các biện pháp nhằm ngăn ngừa, hạn chế tình trạng xét xử không minh bạch, công bằng, tiến hành cải cách các cơ quan tố tụng về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong hoạt động tố tụng cũng như trong mối quan hệ giữa các cơ quan tố tụng với nhau nhằm xây dựng một hệ thống tư pháp liên thông hiệu quả phối hợp đồng bộ với nhau. Từ đó có thể rút ngắn được thời gian xét xử vụ án, hạn chế được tỷ lệ án oan sai, đảm bảo xét xử công khai, minh bạch, công bằng nhằm bảo vệ quyền con người của người dân trên thực tế

3.2.5. Tăng cường, đổi mới cách thức tuyên truyền, giáo dục về vai trò của pháp luật Việt Nam trong việc bảo vệ quyền con người

Mặc dù trong thời gian qua, nhà nước cùng các sở, ban ngành đã tích cực tạo điều kiện thúc đẩy các hoạt động tuyên truyền, giáo dục Quyền con người và cũng thu được một số thành tựu nhất định, tuy nhiên, để các hoạt động tuyên truyền này có thể tiếp cận được nhiều người dân và đem tới hiệu quả cao hơn nữa chỉ cần tiếp tục đổi mới cách thức tuyên truyền, giáo dục bảo vệ quyền con người.

Cần xây dựng các hoạt động tuyên truyền, nội dung giáo dục phù hợp với từng đối tượng cụ thể: học sinh, sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức hay người lao động... tùy từng đối tượng muốn hướng tới mà cần có những cách tuyên truyền và tiếp cận khác nhau và phù hợp với khả năng tiếp thu của từng độ tuổi và tính chất công việc cũng như văn hóa từng vùng miền. Tránh việc tổ chức các buổi tuyên truyền chỉ bằng cái Tuyệt mà cần kết hợp cùng các trò chơi có lồng ghép các nội dung liên quan thì quyền con người hay tổ chức các buổi chia sẻ, tiếp xúc giữa người dân với cơ quan nhà nước hoặc các buổi chiếu phim tài liệu vì sự thay đổi về Quyền con người của nước ta qua các năm nhằm thu hút được thêm nhiều người tham gia. Ngoài việc tổ chức các buổi tuyên truyền, có thể tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về quyền con người cũng như pháp luật về quyền con người, có việc tự tìm hiểu người thân tham gia sẽ có một cái nhìn đúng đắn và giúp họ nhận thức sâu sắc hơn về nội dung của quyền con người cũng như pháp luật Việt Nam về quyền con người. Để đưa quyền con người tới gần được với người dân hơn, có

thể bổ sung các nội dung quyền con người và trong các bộ phim truyền hình, các bộ phim điện ảnh kết hợp với một số người có sức ảnh hưởng lớn trên mạng xã hội để tuyên truyền về quyền con người trong pháp luật Việt Nam. Việc tuyên truyền cần phải cho người dân thấy được rằng quyền con người không phải là một vấn đề gì to tát, vĩ mô và xa vời đối với tất cả người dân, bởi đơn giản là các quyền sống, quyền an sinh xã hội, quyền lực nhà nước bảo vệ sức khỏe, nhân phẩm, danh dự. Bên cạnh việc tuyên truyền những quan điểm, tư tưởng và đường lối chính sách pháp luật của đảng và nhà nước về quyền con người thì việc tuyên truyền những lập luận nhân vật bác lại sự xuyên tạc, luận điệu đối trá của các thế lực thù địch cũng là một hoạt động không kém phần quan trọng và cần tích cực đẩy mạnh thực hiện.

Đối với hoạt động giáo dục, cần thiết kế và xây dựng một chương trình giảng dạy thống nhất, đồng bộ vì nội dung của quyền con người được giảng dạy tại các cấp học. Ngoài ra, việc đổi mới phương pháp giảng dạy cũng góp phần quan trọng không kém, có thể đưa các ví dụ minh họa thực tiễn vào máy giặt để biến những nội dung lý thuyết về quyền con người vốn xa lạ trở nên gần gũi hơn với học sinh, sinh viên. Từ đó, việc tiếp thu các kiến thức về quyền con người cũng sẽ trở nên nhanh chóng và hiệu quả hơn. Đặc biệt, đối với bậc đại học, cần mở rộng chương trình giảng dạy về Quyền con người cũng như vai trò của pháp luật trong bảo vệ quyền con người ở những cơ sở đào tạo không có chuyên ngành luật, bởi quyền con người sẽ bao phủ tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội chứ không riêng lĩnh vực pháp luật và tất cả mọi người dân sinh sống trên đất nước Việt Nam cần biết và hiểu các quy định về pháp luật quyền con người của nước ta, các cơ sở đào tạo các chuyên ngành kinh tế, xã hội hay công nghệ thông tin, ngoại ngữ cũng cần bổ sung các nội dung về quyền con người vào chương trình giảng dạy.

Ngoài ra, nhóm đối tượng là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cũng cần thường xuyên tham gia đào tạo, tập huấn và bồi dưỡng các kiến thức về pháp luật về quyền con người. Qua đó sẽ góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cả về mặt kiến thức chuyên môn lẫn các kỹ năng kinh nghiệm xử lý các tình huống bất ngờ phát sinh trong lĩnh vực quyền con người cũng như được nâng cao vai trò của pháp luật trong bảo vệ quyền con người. Bên cạnh đó, cần phải kiên quyết hơn trong việc xử lý các cán bộ có hành vi gây khó khăn cho người dân trong việc thực hiện các thủ tục hành chính.

3.2.6. Tăng cường quan hệ đối ngoại, thực hiện chính sách, pháp luật hợp tác quốc tế về quyền con người

Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác Quốc tế trên lĩnh vực QCN nhằm thúc đẩy việc thực hiện các chính sách, pháp luật về bảo đảm QCN gắn với nâng cao hiệu quả tiến trình hội nhập quốc tế. Trong quá trình đó, cần tăng cường đối thoại để nâng cao sự hiểu biết lẫn nhau, từng bước thu hẹp bất đồng và những sự hiểu biết khác nhau giữa Việt Nam với các đối tác quốc tế trong vấn đề dân chủ và QCN, đồng thời kiên quyết bảo vệ quan điểm, lập trường, lợi ích quốc gia – dân tộc của Việt Nam, đấu tranh ngăn chặn một cách hiệu quả các hoạt động lợi dụng vấn đề dân chủ, quyền con người để can thiệp vào công việc nội bộ nước ta.

Hiện nay cần quan tâm nâng cao chất lượng các Báo cáo theo cơ chế Công ước và cơ chế của Hội đồng Nhân quyền LHQ, chủ động hơn về chiến lược trong quá trình tham gia vào một số cơ chế, thủ tục nhân quyền của Liên hợp quốc, khu vực Đông Nam Á (ASEAN), đối thoại về QCN, phát triển các hình thức hợp tác quốc tế đa dạng về giáo dục nhân quyền.

Đẩy mạnh việc tiếp tục cam kết mạnh mẽ trong việc tăng cường đối thoại thực chất và hợp tác hiệu quả với tất cả các quốc gia, các cơ chế Liên hợp quốc có liên quan³.

Đền quyền con người trên tinh thần bình đẳng, tôn trọng luật pháp quốc tế, hướng tới việc mang lại lợi ích thực chất, tăng cường thụ hưởng quyền cho người dân thực tế. Đồng thời, cũng sẽ tiếp tục thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ đối với các Công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên, nghiên cứu, chuẩn bị tham gia các Công ước quốc tế khác về quyền con người. Việc ứng cử vào các cơ quan của Liên hợp quốc có vai trò quan trọng trong bảo đảm môi trường hòa bình, an ninh hoặc trực tiếp liên quan đến việc thụ hưởng quyền con người cho mọi người dân trên thế giới cũng là một nội dung quan trọng trong hướng ưu tiên này của Việt Nam. Thông qua các hoạt động hợp tác song phương cũng như tại các diễn đàn đa phương về quyền con người, Việt Nam đã thể hiện hình ảnh tích cực, chủ động và có những đóng góp thiết thực nhằm thúc đẩy nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế trong lĩnh vực quyền con người trên tinh thần đối thoại, tăng cường hiểu biết lẫn nhau, đồng thời Việt Nam sẽ dần tích lũy cho mình nhiều kinh nghiệm hơn và thể hiện hình ảnh đất nước Việt Nam không ngại tư duy đổi mới sáng tạo trên trường quốc tế.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Trong Chương 3 của Khóa luận, từ những cơ sở lý luận ở Chương 1 và thực trạng thực thi pháp luật về quyền con người ở Chương 2, tác giả đề cập đến phương hướng hoàn thiện pháp luật về quyền con người và đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm khắc phục những hạn chế đã được chỉ ra. Chúng ta cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền con người theo hướng nâng cao vai trò của các cơ quan nhà nước, nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật về quyền con người ở Việt Nam, đẩy mạnh thực hiện hợp tác quốc tế về quyền con người,... để tiếp tục phát huy được vai trò của pháp luật về bảo vệ quyền con người, phù hợp với xu hướng phát triển chung của khu vực và quốc tế.

KẾT LUẬN

Quyền con người là một khái niệm đã xuất hiện từ rất sớm và hiện nay đã trở thành một trong những quyền quan trọng của hệ thống pháp luật quốc tế nói chung và hệ thống pháp luật Việt Nam nói riêng. Hiện nay, quyền con người là một trong những yếu tố quan trọng để đánh giá sự phát triển của một quốc gia, đất nước càng phát triển thì quyền con người càng được coi trọng và hoàn thiện. Bảo vệ quyền con người là một quá trình phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố khác nhau: kinh tế, chính trị, pháp luật, văn hóa,...

Để đảm bảo được quyền con người nhận được sự tôn trọng thực hiện trên thực tế, cần áp dụng thực hiện nhiều phương pháp bảo vệ khác nhau trong đó pháp luật được coi là một phương pháp hữu hiệu nhất. Tại Việt Nam, pháp luật đã và đang phát huy được vai trò của mình trong bảo vệ quyền con người, điều này được thể hiện qua những thành tựu mà Việt Nam đã đạt được trong thời gian qua. Tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người là quan điểm, đường lối nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam kể từ khi thành lập đến nay, và đã được củng cố, bổ sung rất nhiều kể từ Đổi mới năm 1986. Trên cơ sở những quan điểm, đường lối của Đảng, khung khổ pháp luật về quyền con người ở Việt Nam cũng liên tục được hoàn thiện, củng cố, mà những thành tựu có tính bước ngoặt được thể hiện tập trung qua hai bản Hiến pháp năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001 và Hiến pháp năm 2013. Cho đến nay, khung khổ pháp luật về quyền con người ở Việt Nam đã khá toàn diện và cơ bản tương thích với các tiêu chuẩn quốc tế. Trong thực tế, kể từ khi Đổi mới, Nhà nước Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, không thể phủ nhận trong việc bảo đảm các quyền con người kinh tế, xã hội, văn hóa, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao.

Mặc dù vậy, cần thấy rằng, pháp luật về quyền con người của Việt Nam hiện vẫn còn có những khoảng cách nhất định với các tiêu chuẩn quốc tế về nhân quyền. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, đời sống của người dân ngày càng được nâng cao, Việt Nam cần tiếp tục đổi mới nhận thức, hoàn thiện pháp luật và cơ chế thực thi để đáp ứng yêu cầu cấp thiết về bảo đảm nhân quyền theo các chuẩn mực mà Liên hợp quốc đã xác định. Đây cũng chính là hoạt động quan trọng bậc nhất để đạt được mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời gian tới. Do đó, cần đẩy mạnh thực hiện các giải pháp khắc phục những hạn chế, yếu kém, bất cập nhằm hoàn thiện, nâng cao vai trò của pháp luật trong việc thực hiện quyền con người ở Việt Nam trong thời gian tới.

Trong khóa luận này tác giả đã đề cập đến những vấn đề cơ bản lý luận, thực tiễn và đề xuất một số phương hướng và giải pháp nâng cao vai trò của pháp luật trong bảo vệ quyền con người ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên tình hình thực tiễn cũng luôn vận động phát triển với những yêu cầu mới phong phú, vì vậy các giải pháp thực thi pháp luật về bảo vệ quyền con người ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay cũng luôn vận động phát triển theo tình hình thực tiễn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (1992), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992.
2. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
3. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 ban hành Bộ luật Dân sự*;
4. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật số 100/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 ban hành Bộ luật Hình sự*;
5. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 ban hành Bộ luật Tố tụng Dân sự*;
6. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 ban hành Bộ luật Tố tụng Hình sự*;
7. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 ban hành Bộ luật Tố tụng Hành sự*;
8. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 ban hành Luật Y tế*;
9. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 ban hành Luật An toàn, vệ sinh thực phẩm*;
10. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 ban hành Luật Di sản văn hóa*;
11. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 ban hành Luật tín ngưỡng tôn giáo*;
12. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 ban hành Luật tổ cáo*;
13. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 ban hành Luật khiếu nại*;
14. Chính phủ (2020), *Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 26/12/2017 ngày 03 tháng 02 năm 2020 Quy định chi tiết về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử*;
15. Chính phủ (2021), *Nghị quyết 68/2021/NQ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2021 Quy định chi tiết về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid – 19*.
16. Chính phủ (2021), *Nghị quyết 23/2021/NQ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2021 Quy định chi tiết về kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025*.
17. Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2022 quy định việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động*.
18. Bộ ngoại giao (2018), *Báo cáo quốc gia về bảo vệ và thúc đẩy các quyền con người ở Việt Nam theo cơ chế UPR chu kỳ III năm 2018, trang 7*.
19. Tổng cục Thống kê (2023), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý II và 6 tháng đầu năm 2023*.

20. Ban chấp hành trung ương Đảng (2022), *Nghị quyết số 27/NQ-TW ngày 9 tháng 11 năm 2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*.
21. Bộ tư pháp (2022), *Báo cáo quốc gia lần thứ tư thực thi công ước quốc tế về các quyền dân sự - chính trị (Công ước ICCPR)*.
22. Trường Đại học Luật Đại học Quốc gia Hà Nội (2011), *Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người*, NXB.DHQQ Hà Nội.
23. Trường Đại học Luật Đại học Quốc gia Hà Nội, *Tư tưởng Việt Nam về quyền con người (Sách chuyên khảo)*, NXB. Chính trị quốc gia.
24. Hoàng Lan Anh (2014), “Bảo đảm quyền con người trong Hiến pháp Việt Nam”, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
25. Nguyễn Thị Hoa (2020), “Vai trò của pháp luật trong việc bảo đảm, bảo vệ quyền con người ở Việt Nam hiện nay”, Luận văn Thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
26. Đỗ Đức Minh (2015), “Nguồn gốc tư tưởng về quyền con người ở Việt Nam”, Luật học (08), trang 29-41.
27. Lê Đình Mùi (1997), “Vai trò của pháp luật trong việc bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân ở nước ta”, Luận văn Thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
28. Nguyễn Thị Kim Ngân (2007), “Giải quyết việc làm trong thời kỳ hội nhập”, Tạp chí Cộng sản (782), tr.15-20.
29. Tạ Quang Ngọc (2005), “Bảo vệ quyền con người ở Việt Nam: chính sách và pháp luật trong điều kiện đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay”, Tạp chí Nhà nước và pháp luật (8), tr.50-54.
30. Cao Đức Thái (2005), “Tư tưởng quyền con người trong Tuyên ngôn độc lập năm 1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh” Tạp chí cộng sản (17), tr.23-26.
31. Nguyễn Thị Thu Thủy - Võ Phong Hiếu (2023), “Vai trò của Tòa hành chính trong việc bảo đảm quyền con người”, Công thương – Các kết quả nghiên cứu khảo học và ứng dụng công nghệ.
32. Võ Khánh Vinh (2010), “Giáo dục quyền con người – Những vấn đề lý luận và thực tiễn”, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
33. Bảo vệ quyền riêng tư của cá nhân theo pháp luật Hoa Kỳ và gợi mở cho Việt Nam (danchuphapluat.vn) tạp chí pháp luật dân chủ.
34. Quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp Nhật Bản và Hiến pháp Việt Nam: Phân tích so sánh - Viện Nghiên Cứu Đông Bắc Á (inas.gov.vn) : Bài viết tạp chí, Năm 2021, Số 7.
35. Vũ Công Giao, Đào Trí Úc (2014), *Bình luận khoa học Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2013*, Nxb. Lao động Xã hội.
36. Vũ Công Giao, Phạm Văn Ba, Nguyễn Thị Báo (2015), *Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp Việt Nam*.

37. Tạp chí quản lý Nhà nước, “*Về đảm bảo các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa*”, [Về bảo đảm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa | Tạp chí Quản lý nhà nước \(quanlynhanuoc.vn\)](http://quanlynhanuoc.vn), ngày 12/05/2020.
38. Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Cong-uoc-quoc-te-ve-quyen-dan-su-va-chinh-tri-270274.aspx>.
39. Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Cong-uoc-quoc-te-cac-quyen-kinh-te-xa-hoi-va-van-hoa-1966-269761.aspx>.
40. “Tuyên ngôn nhân quyền thế giới năm 1948”, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Tuyen-ngon-quoc-te-nhan-quyen-1948-65774.aspx>.
41. *Tsuneo Inako (1993)*, Tìm hiểu pháp luật Nhật Bản, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.